

**BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN  
CHƯƠNG TRÌNH HỖ TRỢ NGÀNH LÂM NGHIỆP & ĐỐI TÁC**

**CẨM NANG NGÀNH LÂM NGHIỆP**

*Chương*  
**KHUÔN KHỔ PHÁP LÝ  
LÂM NGHIỆP**

**Năm 2004**

**Chủ biên**

**Nguyễn Ngọc Bình - Cục trưởng Cục Lâm nghiệp; Giám đốc Văn phòng điều phối Chương trình Hỗ trợ ngành lâm nghiệp**

**Biên soạn**

**Trình Đức Huy, Vụ Pháp chế  
Hoàng Ngọc Tống, chuyên gia lâm nghiệp  
Hoàng Hồng, luật gia, chuyên gia lâm nghiệp**

**Chỉnh lý**

**KS. Ngô Đình Thọ, Phó Cục trưởng Cục Lâm nghiệp  
ThS. Nguyễn Văn Lâm, Vụ Tổ chức cán bộ  
KS. Nguyễn Đăng Khoa, Cục Kiểm lâm  
GS.TS. Lê Đình Khả, chuyên gia lâm nghiệp  
GS.TS. Đỗ Đình Sâm, chuyên gia lâm nghiệp  
ThS. Trần Văn Hùng, Viện Điều tra Quy hoạch rừng**

**Hỗ trợ kỹ thuật và tài chính: Dự án GTZ-REFAS**

**Giấy phép xuất bản số 41/XB-GT cấp ngày 18/11/2004, Nhà xuất bản GTVT**

## MỤC LỤC

<b>1. Công tác pháp chế lâm nghiệp</b>	<b>5</b>
<b>1.1. Sáng kiến về pháp chế lâm nghiệp</b>	<b>5</b>
1.1.1. Hệ thống pháp chế lâm nghiệp	5
1.1.2. Sáng kiến pháp luật	6
1.1.3. Kinh phí xây dựng, thẩm định, kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật	9
<b>1.2. Tổ chức triển khai thực hiện VBQPPL về lâm nghiệp</b>	<b>9</b>
1.2.1. Quy trình triển khai thực hiện VBQPPL về lâm nghiệp	9
1.2.2. Kinh nghiệm về tổ chức triển khai thực hiện VBQPPL lâm nghiệp	12
<b>1.3. Theo dõi, đánh giá việc áp dụng VBQPPL lâm nghiệp</b>	<b>18</b>
1.3.1. Quy định hiện hành về việc theo dõi, đánh giá việc áp dụng VBQPPL	18
1.3.2. Thực tiễn tổ chức, theo dõi việc thực hiện văn bản quy phạm pháp luật về lâm nghiệp	21
<b>2. Khuôn khổ pháp lý lâm nghiệp</b>	<b>23</b>
2.1. Giới thiệu	23
2.2. Phân tích văn bản	23
2.3. Các ký hiệu tra cứu	23
2.4. Nguồn thông tin	24
2.5. Khuôn khổ pháp lý về quản lý rừng và đất lâm nghiệp	26
Văn bản do Quốc hội ban hành	26
Văn bản do Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành	27
Văn bản do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ ban hành	27
Thông tư liên tịch giữa các Bộ, Ngành	48
Nghị quyết liên tịch giữa các Bộ, Ngành và tổ chức, đoàn thể	52
Quyết định của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	53
Quyết định của các Bộ, Ngành khác	82
Chỉ thị của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	83
Thông tư của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	85
Thông tư của Bộ Tài chính	89
Thông tư của Bộ Thương mại	91
Thông tư của các Bộ, Ngành khác	92





## **1. CÔNG TÁC PHÁP CHẾ LÂM NGHIỆP**

### **1.1. Sáng kiến về pháp chế lâm nghiệp**

#### **1.1.1. Hệ thống pháp chế lâm nghiệp**

Pháp chế về lâm nghiệp bao gồm hệ thống các văn bản quy phạm pháp luật (VBQPPL) về lĩnh vực lâm nghiệp. VBQPPL là văn bản do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành theo thủ tục, trình tự luật định, trong đó có các quy tắc xử sự chung, được áp dụng nhiều lần, đối với mọi đối tượng hoặc một nhóm đối tượng, có hiệu lực trong phạm vi toàn quốc hoặc từng địa phương. Quy tắc xử sự chung là những chuẩn mực mà mọi cơ quan, tổ chức, cá nhân phải tuân theo khi tham gia quan hệ xã hội được quy tắc đó điều chỉnh. VBQPPL được Nhà nước bảo đảm thi hành bằng các biện pháp như tuyên truyền, giáo dục, thuyết phục, các biện pháp về tổ chức, hành chính, kinh tế; trong trường hợp cần thiết thì Nhà nước áp dụng biện pháp cưỡng chế bắt buộc thi hành và quy định chế tài đối với người có hành vi vi phạm. Hệ thống VBQPPL bao gồm:

a) Các VBQPPL do Quốc hội ban hành: Hiến pháp, luật, nghị quyết của Quốc hội; pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

b) Các VBQPPL do các cơ quan trung ương ban hành: Lệnh, quyết định của Chủ tịch nước; nghị quyết, nghị định của Chính phủ; quyết định, chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ; quyết định, thông tư, chỉ thị của Bộ trưởng, thủ trưởng cơ quan ngang bộ; nghị quyết của Hội đồng Thẩm phán Tòa án tối cao; quyết định, chỉ thị, thông tư của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân tối cao; thông tư liên tịch giữa các cơ quan nhà nước có thẩm quyền; nghị quyết liên tịch giữa cơ quan nhà nước có thẩm quyền với tổ chức chính trị - xã hội;

c) Các VBQPPL của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ban hành: Nghị quyết của Hội đồng nhân dân; quyết định, chỉ thị của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.

Hiến pháp là luật cơ bản của Nhà nước, có hiệu lực pháp lý cao nhất; VBQPPL được ban hành phải phù hợp với Hiến pháp, bảo đảm tính thống nhất, thứ bậc hiệu lực pháp lý của văn bản trong hệ thống pháp luật; VBQPPL do các cơ quan nhà nước cấp dưới ban hành phải phù hợp với VBQPPL của cơ quan nhà nước cấp trên; VBQPPL trái với Hiến pháp, trái với VBQPPL của cơ quan nhà nước cấp trên phải được cơ quan nhà nước có thẩm quyền bãi bỏ, đình chỉ việc thi hành.

Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên, các tổ chức xã hội khác, tổ chức kinh tế, cơ quan nhà nước, đơn vị vũ trang nhân dân và các cá nhân có quyền tham gia góp ý kiến xây dựng VBQPPL. Trong quá trình xây dựng VBQPPL, căn cứ vào tính chất và nội dung của dự án, dự thảo, cơ quan, tổ chức hữu quan tạo điều kiện để các cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia góp ý kiến; tổ chức lấy ý kiến của các đối tượng chịu tác động trực tiếp của văn bản trong phạm vi và với hình thức thích hợp. ý kiến tham gia về dự án, dự thảo VBQPPL phải được nghiên cứu để tiếp thu, chỉnh lý dự án, dự thảo văn bản.

VBQPPL phải được cơ quan nhà nước có thẩm quyền giám sát, kiểm tra. Trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, các cơ quan có thẩm quyền ban hành VBQPPL và cơ quan giám sát, kiểm tra VBQPPL có trách nhiệm kịp thời phát hiện và xử lý VBQPPL sai trái. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên, cơ quan, tổ chức khác và công dân có quyền giám sát VBQPPL và kiến nghị với cơ quan nhà nước có thẩm quyền xử lý VBQPPL sai trái. Việc giám sát, kiểm tra VBQPPL nhằm phát hiện những nội dung sai trái của văn bản để kịp thời đình chỉ việc thi hành, sửa đổi, huỷ bỏ hoặc bãi bỏ văn bản nhằm bảo đảm tính hợp hiến, hợp pháp, tính thống nhất của hệ thống pháp luật, đồng thời kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xác định trách nhiệm của cơ quan, cá nhân đã ban hành văn bản sai trái.

### 1.1.2. Sáng kiến pháp luật

#### 1.1.2.1. Sáng kiến luật

Theo quy định của Hiến pháp, Chủ tịch nước, Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội, Chính phủ, Tòa án nhân dân tối cao, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên có quyền trình dự án luật ra trước Quốc hội; đại biểu Quốc hội có quyền đề nghị về luật và trình dự án luật ra Quốc hội. Các cơ quan, tổ chức có quyền trình dự án luật (xây dựng mới hay sửa đổi, bổ sung luật đã ban hành) gửi đề nghị xây dựng luật, pháp lệnh đến Ủy ban Thường vụ Quốc hội và đồng thời gửi đến Chính phủ, trong đó phải nêu rõ sự cần thiết ban hành văn bản, xác định đối tượng và phạm vi điều chỉnh của văn bản, các điều kiện cần thiết cho việc soạn thảo văn bản. Ủy ban pháp luật của Quốc hội chủ trì và phối hợp với Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban khác của Quốc hội thẩm tra dự kiến chương trình xây dựng luật, pháp lệnh của Chính phủ, đề nghị xây dựng luật, pháp lệnh của các cơ quan, tổ chức, đại biểu Quốc hội. Căn cứ vào dự kiến chương trình xây dựng luật và pháp lệnh nêu trên, ý kiến thẩm tra của Ủy ban pháp luật của Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội lập dự án Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh

trình Quốc hội quyết định. Thủ tục về soạn thảo, thẩm tra, xem xét, cho ý kiến, tổ chức lấy ý kiến nhân dân, lấy ý kiến đại biểu Quốc hội, đoàn đại biểu Quốc hội, thông qua dự án, dự thảo và công bố các VBQPPL của Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội được quy định tại Chương III Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

#### 1.1.2.2. Sáng kiến về văn bản quy phạm pháp luật của Chính phủ

Tổ chức pháp chế ở các bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương căn cứ yêu cầu công tác quản lý nhà nước, kết quả công tác giám sát, kiểm tra việc thực hiện các VBQPPL, các kiến nghị của các tổ chức và công dân có trách nhiệm giúp Bộ trưởng, thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương dự kiến chương trình xây dựng luật, pháp lệnh của Quốc hội, nghị quyết, nghị định của Chính phủ để trình Chính phủ.

Kiến nghị xây dựng luật, pháp lệnh sẽ được tập hợp, gửi Văn phòng Chính phủ và Bộ Tư pháp trước ngày 15 tháng 7 năm trước để xây dựng dự kiến Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh của Chính phủ trình Quốc hội theo trình tự, thủ tục quy định của Luật Ban hành VBQPPL.

Dự kiến xây dựng nghị quyết, nghị định của Chính phủ hàng năm được gửi đến Văn phòng Chính phủ, Bộ Tư pháp chậm nhất là ngày 15/10 năm trước, trong đó nêu rõ sự cần thiết ban hành, đối tượng, phạm vi điều chỉnh của văn bản, thời hạn ban hành và kế hoạch tổ chức thực hiện khi VBQPPL được ban hành. Trên cơ sở tổng hợp dự kiến chương trình xây dựng nghị quyết, nghị định của Chính phủ đã được các cơ quan nói trên đề nghị, Văn phòng Chính phủ phối hợp với Bộ Tư pháp lập Chương trình xây dựng nghị quyết, nghị định trình Chính phủ quyết định tại phiên họp thường kỳ cuối năm. Văn phòng Chính phủ có trách nhiệm gửi đến các thành viên Chính phủ, thủ trưởng các cơ quan thuộc Chính phủ chương trình xây dựng luật, pháp lệnh, chương trình xây dựng nghị quyết, nghị định của Chính phủ.

Văn phòng Chính phủ còn có trách nhiệm tập hợp đầy đủ các đề nghị xây dựng luật, pháp lệnh của các cơ quan khác, các tổ chức và của các đại biểu Quốc hội. Chính phủ có ý kiến bằng văn bản về các sáng kiến pháp luật này trên cơ sở báo cáo của Văn phòng Chính phủ và ý kiến tham gia của Bộ Tư pháp.

Thủ tục về soạn thảo, thẩm tra, xem xét, cho ý kiến thông qua dự thảo và công bố các VBQPPL của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ được quy định tại Chương V Luật Ban hành VQPPL, Nghị định của



Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ban hành VBQPPL (Nghị định 101/CP ngày 23/9/1997) và Quy chế thẩm định dự án, dự thảo VBQPPL (Quyết định số 280/1999/QĐ-BTP ngày 27/9/1999 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp).

#### 1.1.2.3. Sáng kiến về văn bản quy phạm pháp luật của Bộ trưởng, thủ trưởng cơ quan ngang bộ

Tổ chức pháp chế ở các bộ, cơ quan ngang bộ căn cứ yêu cầu công tác quản lý nhà nước, kết quả công tác giám sát, kiểm tra việc thực hiện các VBQPPL, các kiến nghị của các tổ chức và công dân có trách nhiệm giúp Bộ trưởng, thủ trưởng cơ quan ngang bộ dự kiến chương trình hàng năm về xây dựng và ban hành VBQPPL thuộc thẩm quyền. Dự kiến chương trình xây dựng VBQPPL phải được Bộ trưởng, thủ trưởng cơ quan ngang bộ phê duyệt và ghi trong Chương trình công tác cả năm, hàng quý, hàng tháng của cơ quan.

Thủ tục về soạn thảo, thẩm tra, xem xét, cho ý kiến thông qua dự thảo và công bố các VBQPPL của Bộ trưởng, thủ trưởng cơ quan ngang bộ quy định tại Chương V và Chương VII Luật Ban hành VQPPL, Nghị định của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ban hành VBQPPL, Quy chế thẩm định dự án, dự thảo VBQPPL và các quy định của cơ quan có thẩm quyền.

Theo quy định của Bộ trưởng Bộ NN&PTNT, hàng năm Bộ trưởng có văn bản gửi Văn phòng Chính phủ và Bộ Tư pháp về những kiến nghị dự án luật, dự án pháp lệnh để chuẩn bị Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh của Chính phủ trình Quốc hội (gửi trước 15 tháng 7 năm trước). Bộ trưởng cũng có văn bản gửi Văn phòng Chính phủ và Bộ Tư pháp (trước ngày 15 tháng 10 năm trước) về những kiến nghị các dự thảo nghị định, nghị quyết của Chính phủ, dự thảo quyết định, chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ để chuẩn bị Chương trình xây dựng VBQPPL của Chính phủ. Hàng năm Bộ trưởng ra quyết định ban hành kế hoạch xây dựng VBQPPL ban hành theo thẩm quyền của Bộ trưởng (vào tháng cuối năm). Trong quá trình chỉ đạo, điều hành và thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước của Bộ, căn cứ yêu cầu nhiệm vụ quản lý nhà nước, thực tiễn triển khai thi hành các VBQPPL của cấp trên và của bộ, Bộ trưởng có thể bổ sung các VBQPPL cần xây dựng trong năm.

#### 1.1.2.4. Sáng kiến về văn bản quy phạm pháp luật của thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ

Theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, cơ quan thuộc Chính phủ không có thẩm quyền ban hành VBQPPL. Căn

cứ yêu cầu công tác quản lý nhà nước, kết quả công tác giám sát, kiểm tra việc thực hiện các VBQPPL, các kiến nghị của các tổ chức và công dân, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ có trách nhiệm dự kiến chương trình hàng năm về xây dựng và ban hành VBQPPL của Quốc hội, Chính phủ và các kiến nghị về VBQPPL thuộc phạm vi ngành phụ trách. Tổ chức pháp chế các cơ quan thuộc Chính phủ có trách nhiệm giúp Thủ trưởng cơ quan thực hiện chương trình xây dựng VBQPPL, bảo đảm văn bản chặt chẽ về pháp lý, có chất lượng và trình đúng thời hạn quy định. Cơ quan thuộc Chính phủ có trách nhiệm tổ chức việc soạn thảo các dự án, dự thảo VBQPPL thuộc ngành, lĩnh vực do mình quản lý theo sự phân công của Chính phủ. Sau khi hoàn thành việc soạn thảo dự án, dự thảo VBQPPL đã được giao, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ lập hồ sơ trình Thủ tướng Chính phủ để Thủ tướng phân công Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ ký ban hành.

#### 1.1.2.5. Sáng kiến pháp luật của các tổ chức, công dân

Những tổ chức, công dân có nhu cầu sáng kiến pháp luật thuộc các thể loại nói trên, phải đề đạt nguyện vọng với các tổ chức, cá nhân có thẩm quyền để kiến nghị với các cơ quan nhà nước ghi nhận sáng kiến pháp luật của mình và tạo điều kiện để tham gia đóng góp vào việc không ngừng đổi mới hệ thống pháp luật của Nhà nước.

#### 1.1.3. Kinh phí xây dựng, thẩm định, kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật

Kinh phí xây dựng, thẩm định, kiểm tra VBQPPL do ngân sách nhà nước cấp bao gồm kinh phí xây dựng, thẩm định dự án, dự thảo và kinh phí kiểm tra văn bản theo quy định tại Quyết định số 69/2000/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ và Thông tư số 15/2000/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Các tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài có thể đóng góp hỗ trợ kinh phí cho việc xây dựng các VBQPPL của Việt Nam thông qua hình thức Dự án viện trợ ODA, tài trợ cho các hội nghị, hội thảo, tổ chức khảo sát, điều tra, nghiên cứu chuyên đề của VBQPPL được quan tâm.

### 1.2. Tổ chức triển khai thực hiện VBQPPL về lâm nghiệp

#### 1.2.1. Quy trình triển khai thực hiện VBQPPL về lâm nghiệp

Cho đến nay, chưa có văn bản quy định về quy trình triển khai thực hiện VBQPPL nói chung cũng như VBQPPL về lâm nghiệp. Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật có quy định về thủ tục công bố luật, pháp lệnh, quy định về việc đăng Công báo các loại VBQPPL. Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Quy chế làm

việc của Bộ, Quy chế tiếp nhận, xử lý thông tin và văn bản, soạn thảo, góp ý kiến, thẩm tra, thẩm định, trình ký, phát hành, quản lý và lưu trữ văn bản của Bộ, trong đó có quy định về thời hạn và phương thức công bố các VBQPPL của Bộ. Những quy định ban đầu tuy đơn giản, song việc triển khai đã mang lại những kết quả bước đầu.

Nhận thức về mục đích ý nghĩa việc tổ chức triển khai thực hiện VBQPPL lâm nghiệp, trên cơ sở kết quả nghiên cứu đề tài khoa học cấp bộ do Phòng pháp chế thuộc Văn phòng Bộ NN&PTNT thực hiện, nhóm nghiên cứu kiến nghị Quy trình sau đây với mục đích thống nhất về phương pháp của các cơ quan quản lý nhà nước các cấp, nâng cao hiệu lực quản lý và điều hành của cơ quan có thẩm quyền ban hành VBQPPL lâm nghiệp.

#### **1.2.1.1. Những quy định chung**

##### *a) Phạm vi và đối tượng áp dụng*

Quy trình triển khai thực hiện văn bản quy phạm pháp luật được áp dụng trong việc triển khai thực hiện các VBQPPL về cơ chế chính sách và tổ chức bộ máy thuộc ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn.

Những văn bản hành chính thông thường, văn bản chuyên môn và văn bản kỹ thuật không thuộc phạm vi áp dụng của quy trình này.

##### *b) Trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân có thẩm quyền triển khai thực hiện VBQPPL*

Cơ quan, đơn vị nhận được VBQPPL phải tiến hành phổ biến nội dung văn bản cho tất cả cán bộ, công chức, viên chức trong đơn vị để có nhận thức đúng về nội dung văn bản và trách nhiệm cá nhân khi thực thi công vụ được giao.

Những cơ quan, đơn vị được giao nhiệm vụ tổ chức phổ biến VBQPPL cho các cá nhân hoặc tổ chức khác phải được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo đúng chức năng, nhiệm vụ của đơn vị.

##### *c) Nguyên tắc khi triển VBQPPL*

VBQPPL về cơ chế, chính sách và tổ chức bộ máy phải được gửi hoặc giao trực tiếp cho thủ trưởng cơ quan, đơn vị và được sao gửi cho người đứng đầu các đoàn thể trong cơ quan, đơn vị.

Văn bản để triển khai phải là văn bản gốc, đúng thể thức văn bản. Văn bản gốc được nhân bản cho những cá nhân hoặc tổ chức liên quan và phải đảm bảo toàn văn nội dung trình bày trong văn bản.

##### *d) Yêu cầu khi triển khai VBQPPL*

**Bảo đảm tính thời sự:** Văn bản được triển khai kịp thời, đúng lúc. Triển khai đúng lúc, kịp thời sẽ giúp văn bản được thực hiện đúng thời hiệu của văn bản.

**Bảo đảm bí mật nhà nước khi triển khai văn bản công khai,** bảo đảm đúng quy định của Pháp lệnh bảo vệ bí mật quốc gia.

**Phải đảm bảo trình tự, thủ tục và quy trình triển khai thực hiện VBQPPL.**

#### **1.2.1.2. Quy trình 5 bước triển khai thực hiện văn bản quy phạm pháp luật**

##### ***Bước 1: Xác định đối tượng tiếp nhận văn bản***

Căn cứ nội dung, phạm vi điều chỉnh của VBQPPL, cơ quan hoặc người có thẩm quyền khi nhận được văn bản xác định đối tượng cần tiếp nhận văn bản. Nếu VBQPPL về cơ chế, chính sách thì đối tượng tiếp nhận là các tổ chức có liên quan trong toàn ngành; nếu văn bản về tổ chức bộ máy thì đối tượng tiếp nhận là người đứng đầu đơn vị.

##### ***Bước 2: Chuẩn bị phổ biến văn bản (trước khi triển khai)***

Cơ quan thẩm quyền xác định đơn vị phổ biến VBQPPL và quyết định bằng văn bản.

Cơ quan có thẩm quyền triển khai có trách nhiệm phân công cán bộ, công chức nghiên cứu nội dung văn bản và các tài liệu có liên quan đến văn bản đó. Xác định rõ thời gian nghiên cứu văn bản.

Căn cứ nội dung và phạm vi điều chỉnh của VBQPPL, cơ quan hoặc người có thẩm quyền phổ biến nội dung văn bản xác định tổ chức, cá nhân cần được tiếp thu nội dung văn bản. Nếu VBQPPL về cơ chế, chính sách thì đối tượng là các tổ chức và cá nhân có liên quan trong toàn ngành; nếu văn bản về tổ chức bộ máy thì đối tượng là lãnh đạo và toàn thể cán bộ, công chức, viên chức trong cơ quan, đơn vị.

##### ***Bước 3: Lập kế hoạch triển khai***

a) Thời điểm triển khai: Thời điểm phù hợp nhất là trước thời gian VBQPPL có hiệu lực thi hành. Trường hợp văn bản ban hành nhưng có khiếu nại về nội dung hoặc thể thức, có thể chậm lại chờ văn bản hướng dẫn, nhưng không quá sau 15 ngày kể từ ngày VBQPPL có hiệu lực.

b) Lựa chọn hình thức triển khai VBQPPL: Hình thức triển khai có thể áp dụng như gửi văn bản theo đường công văn, giao trực tiếp hoặc tổ chức các hội nghị, khoá tập huấn ngắn ngày để triển khai. Cũng có thể áp dụng hình thức triển khai theo chuyên đề lồng ghép trong các lớp tập huấn theo ngành công chức. Trường hợp mở hội nghị tập huấn, kế

hoạch triển khai phải cụ thể về thời gian, địa điểm tổ chức, phải được báo trước cho cán bộ, công chức trong diện được cử đi dự hội nghị để họ chủ động sắp xếp thời gian.

c) Phương pháp triển khai VBQPPL là cách thức truyền đạt kiến thức giữa người giới thiệu văn bản với đối tượng tiếp nhận văn bản hoặc giữa giảng viên với học viên (nếu là tổ chức theo lớp tập huấn). Hai phương pháp được áp dụng chủ yếu hiện nay là *lên lớp* (giảng viên giảng bài-học viên nghe, ghi chép) và *trao đổi, thảo luận* (dưới hình thức tổ chức là các hội thảo chuyên đề hoặc khoá tập huấn ngắn hạn).

d) Lập dự trù kinh phí và các thủ tục liên quan như địa điểm triển khai, phân công trách nhiệm, chuẩn bị đón tiếp, khai mạc, soạn thảo câu hỏi thảo luận hoặc thu hoạch, đánh giá, kế hoạch dự kiến đánh giá sau triển khai (nếu có).

#### *Bước 4: Tổ chức triển khai VBQPPL*

Tùy nội dung và đối tượng, cơ quan hoặc người có thẩm quyền cần cân nhắc hình thức triển khai văn bản phù hợp như sau:

+ Đối với các VBQPPL về cơ chế chính sách thì lựa chọn hình thức tập huấn hoặc hội nghị để triển khai. Hình thức này cần chuẩn bị đủ tài liệu và VBQPPL triển khai để cung cấp cho các thành viên tham dự. Sau hội nghị, các đơn vị có trách nhiệm tự tổ chức triển khai trong nội bộ đơn vị và giao VBQPPL cho những cá nhân trực tiếp thi hành. Nếu cần thiết, những người trực tiếp thi hành có thể tiếp tục họp và thảo luận những vấn đề cơ bản và quan trọng của văn bản để cùng thống nhất hành động.

+ Đối với VBQPPL về tổ chức bộ máy thì nên chọn hình thức hội nghị cơ quan để triển khai. Trong hội nghị này, cấp hoặc người có thẩm quyền trực tiếp giao quyết định và nói rõ trách nhiệm thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của tổ chức, đơn vị.

#### *Bước 5: Rút kinh nghiệm, lập báo cáo và đánh giá sau khi triển khai*

Hoạt động này rất quan trọng và cần được tiến hành và duy trì thường xuyên. Cần hiểu đúng là hoạt động tổ chức hội nghị, khoá tập huấn không kết thúc cùng với sự ra về của đại biểu khi đã hoàn thành hội nghị, khoá tập huấn. Như vậy, sau khi tham dự hội nghị, khoá tập huấn, đại biểu tham dự cần được cán bộ phụ trách đào tạo theo dõi và xin ý kiến đánh giá về nội dung chương trình, về hiệu quả của hội nghị, khoá tập huấn trong thực tiễn công tác của họ sau một thời gian kiểm nghiệm và ứng dụng kiến thức đã thu được trong quá trình thực thi công vụ. Điều này sẽ giúp cho cơ quan triển khai văn bản có thể tổ chức những hội nghị, khoá tập huấn tiếp theo (cũng cho đối tượng ấy) nhưng

với chương trình nâng cao hoặc đã được bổ sung, cập nhật hoặc chỉnh lý hoàn thiện nhằm phát huy kết quả bồi dưỡng kiến thức trong thực tiễn.

## **1.2.2. Kinh nghiệm về tổ chức triển khai thực hiện VBQPPL lâm nghiệp**

### **1.2.2.1. Kinh nghiệm về việc tổ chức lớp tập huấn Quyết định 245/1998/QĐ-TTg**

Năm 2002, Dự án REFAS đã phối hợp và hỗ trợ tỉnh Thanh Hoá tổ chức 2 khoá tập huấn cho 235 học viên, gồm uỷ viên lâm nghiệp xã, kiểm lâm viên phụ trách địa bàn xã và cán bộ phòng nông nghiệp và phát triển nông thôn huyện (nơi không có Hạt kiểm lâm).

#### **a. Về công tác chuẩn bị**

- Tổng hợp và phân tích được các nhu cầu đào tạo của các xã cho các đối tượng.
- Lập chương trình tập huấn và dự trù kinh phí.
- Biên soạn bài giảng, giảng viên là cán bộ kiêm giảng của Chi cục Kiểm lâm, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Trường Chính trị của tỉnh.
- Chuẩn bị các thủ tục mở lớp: thời gian, địa điểm, giấy triệu tập học viên, câu hỏi thảo luận và kế hoạch đánh giá sau tập huấn, quyết định mở lớp được chuẩn bị chu đáo.

#### **b. Về xây dựng chương trình khoá tập huấn**

- Nội dung chương trình đã có sự lồng ghép các chủ đề để có thể hiểu rõ về Quyết định 245 trong khung thời gian 5 ngày, bao gồm:
  - + Chức năng, nhiệm vụ của Chính quyền cấp xã;
  - + Luật Bảo vệ và phát triển rừng, Nghị định 77/CP năm 1996 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý, bảo vệ rừng và quản lý lâm sản;
  - + Quyết định 245/1998/QĐ-TTg và Quyết định 661/QĐ-TTg (năm 1998);
  - + Công tác bảo vệ rừng ở tỉnh Thanh Hoá;
  - + Giao đất lâm nghiệp và cập nhật diễn biến tài nguyên rừng;
  - + Xây dựng và phát triển lâm nghiệp xã hội;
  - + Phương pháp và nội dung cơ bản của công tác khuyến nông lâm ở cơ sở;
  - + Đổi mới tổ chức quản lý bảo vệ rừng theo hướng xã hội hoá.

### *c. Về triển khai thực hiện chương trình*

Tổ chức giảng dạy 2 chiều (truyền đạt, nêu vấn đề của giảng viên và thảo luận nhóm, tham gia ý kiến của học viên), gồm 2 phần chính:

#### **Học viên chuẩn bị trước theo nội dung:**

- + Họ và tên, chức vụ, đơn vị công tác;
- + Trình bày chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và mối quan hệ công tác (phối hợp với đơn vị nào? cơ quan nào giám sát?);
- + Nhận thức thay đổi về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và mối quan hệ công tác sau khoá tập huấn để thực hiện tốt Quyết định 245;
- + Tự đánh giá những thuận lợi và khó khăn trong quá trình thực hiện Quyết định 245 ở cơ sở;
- + Giải pháp của bản thân để khắc phục khó khăn trong thời gian tới?
- + Đề xuất các đơn vị liên quan hỗ trợ gì?
- + Tự đánh giá khả năng của bản thân có thể đảm nhận nhiệm vụ được giao hay không? Bản thân có yên tâm công tác được giao lâu dài hay không?

#### **Học viên cùng thảo luận về:**

Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của ủy viên lâm nghiệp xã, kiểm lâm viên phụ trách địa bàn xã; mối quan hệ công tác giữa họ trong quá trình thực thi công vụ.

### *d. Khảo sát đánh giá chất lượng học viên*

Ban tổ chức lớp đã nghiên cứu kỹ đối tượng và nội dung liên quan đến mục đích của khoá tập huấn. Phiếu khảo sát đánh giá được chuẩn bị công phu, nhiều nội dung liên quan đến nhiệm vụ, trách nhiệm và mối quan hệ công tác của học viên với các đáp án được xây dựng để tiện cho đối chiếu, đánh giá chất lượng học viên khi trả lời các câu hỏi.

### *đ. Đánh giá chất lượng chương trình và giảng viên*

- Nhận xét bài giảng trong chương trình tập huấn
- Nhận xét về giảng viên lên lớp:

### *e. Kết quả*

100% học viên được triệu tập có mặt tham dự khoá tập huấn;

Các giảng viên ở các ngành có liên quan trực tiếp đến công tác quản lý bảo vệ rừng tham gia tích cực;

Nội dung chương trình sát thực tế, bổ ích giúp cho học viên sau tập huấn có thể triển khai ngay được ở cơ sở;

Học viên tiếp thu và nhận thức các vấn đề rất tốt: 95% học viên trả lời đúng đáp án.

Học viên góp ý: thời gian tập huấn nên 7-10 ngày, có tham quan mô hình điểm; hàng năm nên tổ chức tập huấn cho đội ngũ cán bộ lâm nghiệp xã; tổ chức tập huấn theo cụm để đỡ vất vả cho học viên trong đi lại.

*1.2.2.2. Kinh nghiệm triển khai thực hiện Nghị định số 29/1998/NĐ-CP của Chính phủ về ban hành Quy chế dân chủ ở cơ sở; Thông tư số 56/1999/TT-BNN của Bộ trưởng Bộ NN&PTNT hướng dẫn xây dựng Quy ước bảo vệ và phát triển rừng trong cộng đồng dân cư thôn, làng, buôn, bản ấp*

Nghị định 29/1998/NĐ-CP của Chính phủ, Thông tư 56/1999/TT-BNN của Bộ NN&PTNT là những VBQPPL rất quan trọng nhằm thu hút đông đảo quần chúng tham gia công tác quản lý Nhà nước trong lĩnh vực bảo vệ và phát triển rừng theo phương châm *dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra*. Việc triển khai những VBQPPL nêu trên đã khơi dậy niềm tin, những cố gắng mới và được đông đảo cán bộ, công chức, viên chức ngành lâm nghiệp và nhân dân hưởng ứng.

Kinh nghiệm từ việc triển khai hệ thống VBQPPL nêu trên đòi hỏi nỗ lực lớn của các tổ chức làm công tác đào tạo. Một số hoạt động rất quan trọng liên quan đến quy trình triển khai VBQPPL nêu trên cần được làm kỹ lưỡng và quan trọng hơn phải làm rõ một số khái niệm, mục đích ý nghĩa, đặc biệt là về phạm vi, đối tượng, phương pháp điều chỉnh của VBQPPL.

*Vấn đề 1: Nâng cao trình độ hiểu biết pháp luật của nhân dân tại xã, phường*

Tùy theo hoàn cảnh cụ thể của mỗi nơi, ở xã, phường có thể áp dụng những phương pháp dưới đây để giúp nhân dân hiểu được, nắm được các quy định của pháp luật hiện hành:

- 1. Phổ biến nguyên văn hoặc soạn thành bài có thêm dẫn chứng, ví dụ thuyết minh để tuyên truyền, giải thích qua hệ thống loa đài của địa phương; tổ chức nói chuyện, giới thiệu trong các cuộc họp của các đoàn thể quần chúng;*
- 2. Giải thích các nội dung luật pháp có liên quan cho nhân dân qua việc tiếp xúc cử tri của đại biểu Hội đồng nhân dân hoặc cán bộ chính quyền làm việc với dân;*



3. *Qua trả lời đơn thư khiếu nại, tố giác của nhân dân: Những việc làm đúng pháp luật cần giải thích cho dân rõ, việc làm chưa đúng hoàn toàn, việc nào sai thì thẳng thắn thừa nhận và sửa chữa ngay.*
  4. *Niềm yết công khai tại trụ sở cơ quan: lịch tiếp dân, quy định của pháp luật... Khi dân có yêu cầu cần tạo điều kiện hoặc sẵn sàng trực tiếp giúp đỡ nhân dân làm đúng các yêu cầu do pháp luật đòi hỏi;*
  5. *Tạo điều kiện tiếp cận với các văn bản pháp luật cho nhân dân: thành lập tủ sách pháp luật, sao chụp tại chỗ hoặc hướng dẫn đến mua tại các hiệu sách;*
  6. *Thông qua các hình thức sinh hoạt văn nghệ, văn hoá như diễn kịch, soạn thành ca dao, hò vè, thơ, thi tìm hiểu pháp luật mà phổ biến, giáo dục luật cho nhân dân;*
- v.v...

**Vấn đề 2:** *So sánh Quy chế thực hiện dân chủ với Hương ước, Quy ước mới ở xã - phường.*

#### **A. Giống nhau**

- *Việc ban hành áp dụng các Quy chế dân chủ ở cơ sở và Hương ước, Quy ước mới ở thôn, bản, làng, xã, khối phố, chung cư có mục đích chung nhằm xác lập kỷ cương, pháp chế nghiêm minh, động viên toàn Nhà nước, toàn Đảng, toàn dân hăng hái thực hiện chủ trương công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước. Cả hai việc này đều làm đồng thời để phát huy tác dụng, hỗ trợ lẫn nhau, không né tránh, hoặc coi nhẹ mặt nào.*
- *Quy chế dân chủ và Hương ước, Quy ước mới là những quy định về thực thi pháp luật đã có, không lặp lại, không được trái với các quy định đã có của pháp luật. Quy chế dân chủ và Hương ước, Quy ước mới còn bổ sung, cụ thể hoá các quy định của pháp luật cho phù hợp với hoàn cảnh, đặc điểm và điều kiện cụ thể của địa phương. Nhưng việc ban hành, thực hiện Quy chế dân chủ và Hương ước, Quy ước mới đều có mục đích cụ thể riêng, phạm vi và đối tượng điều chỉnh riêng, cách làm khác nhau.*

#### **B. Khác nhau**

##### **α. Về chủ thể**

- *Chủ thể của Quy chế dân chủ là cơ quan, cán bộ, công chức, viên chức Nhà nước. Cơ quan, cán bộ, công chức, viên chức Nhà nước là chủ thể thực thi công quyền nên cơ quan, cán bộ,*

*công chức, viên chức Nhà nước là những người thực hiện các trách nhiệm đã được đề ra trong Quy chế dân chủ. Nếu trong Quy chế dân chủ lại quy định những trách nhiệm mà người dân phải làm thì không còn mang tính chất "dân chủ" theo đúng nghĩa của bản thân từ ngữ, đó vừa là sự lẫn lộn về mặt nhận thức, vừa là biểu hiện của sự thoái thác, đùn đẩy trách nhiệm.*

- *Chủ thể của Hương ước, Quy ước mới: mọi thành viên trong cộng đồng dân cư.*

#### *β. Về phạm vi điều chỉnh*

- *Phạm vi điều chỉnh của Quy chế dân chủ là các hoạt động của cơ quan, cán bộ chính quyền xã, phường. Cơ quan, cán bộ, công chức nhà nước chỉ được làm những việc thuộc thẩm quyền và trách nhiệm đã được pháp luật quy định. Cơ quan, cán bộ, công chức nhà nước không được vượt quá thẩm quyền, trách nhiệm đã được quy định.*
- *Phạm vi điều chỉnh của Hương ước, Quy ước mới là toàn bộ các mặt hoạt động của cộng dân mà luật pháp không cấm.*

#### *χ. Về nội dung*

- *Nội dung của Quy chế dân chủ là những điều quy định về phương pháp, biện pháp thực thi các điều đã được luật pháp quy định mà không đề ra các quy phạm pháp luật mới.*
- *Nội dung của Hương ước, Quy ước mới là các hành vi cộng dân được làm mà luật pháp không ngăn cấm, không đề cập. Trong nội dung của Hương ước, Quy ước mới cũng bao gồm cả những quy định về biện pháp, phương pháp thực hiện các điều đã có pháp luật quy định như các biện pháp đảm bảo an ninh ở thôn xóm, các biện pháp phòng cháy, chữa cháy rừng, các biện pháp khuyến học v.v...*

#### *δ. Về văn phong*

*Văn phong của Quy chế dân chủ là văn phong pháp lý. Văn phong của Hương ước, Quy ước mới tuy có mang sắc thái pháp lý nhưng cách diễn đạt là cách nói của nhân dân, mang tính cam kết, ước nguyện, tôn trọng và cùng thực hiện của mọi thành viên cộng đồng.*

#### *ε. Về chế tài*

- *Chế tài của Quy chế dân chủ là chế tài về hành chính. Nếu làm tốt thì được khen thưởng theo quy định của pháp luật về*

*cán bộ, công chức như tăng cấp bậc, lương..., nếu làm không đúng thì bị xử phạt theo kỷ luật hành chính, theo pháp luật hình sự...*

- *Chế tài của Hương ước, Quy ước mới không phải là chế tài hành chính. Nếu làm tốt thì được nêu gương trước cộng đồng, tặng giải thưởng. Nếu vi phạm thì buộc khôi phục lại nguyên trạng.*

#### *φ. Về cách xây dựng*

*Việc xây dựng, ban hành Quy chế dân chủ thuộc thẩm quyền của người phụ trách cao nhất trong cơ quan chính quyền. Việc xây dựng, ban hành Hương ước, Quy ước mới phải được toàn thể thành viên cộng đồng thảo luận và quyết nghị theo nguyên tắc đa số.*

#### *γ. Về tên gọi*

- *Quy chế là danh từ ghép của hai danh từ Quy phạm và Chế độ. Quy chế dân chủ mang tính văn bản pháp luật của Nhà nước, nên gọi là Quy chế, tức là các quy định, các quy tắc hành động, các chế độ công tác do người có thẩm quyền ban hành. Trong quá trình soạn thảo mặt dù có lấy ý kiến của tập thể, của nhân dân, phản ánh nguyện vọng của tập thể, nhân dân, nhưng quyền quyết định là của người đứng đầu cơ quan, chính quyền.*
- *Hương ước, Quy ước mới là những văn bản mang tính "ước nguyện" chung của toàn thể hoặc đa số thành viên cộng đồng. Tập thể thành viên cộng đồng mới là "người" có thẩm quyền quyết định chấp nhận sự ước nguyện chung đó.*

Do có những điều khác biệt như vậy cho nên không thể gộp chung các Quy chế dân chủ với các văn bản Hương ước, Quy ước vào chung một văn bản, do một tổ chức cùng soạn thảo, thông qua, ban hành được. Vì nếu làm như vậy chẳng những về mặt soạn thảo không thể tiến hành được vì trái thẩm quyền ban hành, mà còn có sự lẫn lộn về đối tượng điều chỉnh khi triển khai thực hiện.

#### *Vấn đề 3: So sánh Quy chế thực hiện dân chủ với các điều lệ, nội quy*

Tại các cơ quan, xí nghiệp, tổ chức và các nơi công cộng, đều có ban hành và niêm yết các điều lệ, nội quy, quy chế như điều lệ của các tổ chức sản xuất, kinh doanh, dịch vụ của các thành phần kinh tế; nội quy làm việc, đảm bảo an ninh, an toàn trong các cơ quan, tổ chức sản xuất, kinh doanh, dịch vụ của các thành phần kinh tế; nội quy đảm bảo vệ sinh môi trường, bảo vệ tài sản tại các nơi công cộng v.v...

Trong các văn bản nêu trên đều có quy định cách ứng xử của các thành viên tổ chức hoặc của mọi thành viên khi đến các nơi công cộng. Mục đích của các văn bản này là đảm bảo cho mọi người liên quan phải có những hành vi xử sự phù hợp với mục đích hoạt động, mục đích sử dụng của tổ chức, cơ quan nơi ban hành ra các văn bản này như quy định làm việc đúng giờ, mặc âu phục; lịch thiệp trong xưng hô, không thực hiện hành vi có hại cho sản xuất, kinh doanh, đảm bảo vệ sinh môi trường, đảm bảo an ninh, an toàn xã hội v.v...

Vì vậy không nên lẫn lộn và đưa những nội dung của các bản điều lệ, nội quy, quy chế nêu trên vào trong các bản Quy chế dân chủ hoặc Hương ước, Quy ước mới.

### **1.3. Theo dõi, đánh giá việc áp dụng VBQPPL lâm nghiệp**

#### **1.3.1. Quy định hiện hành về việc theo dõi, đánh giá việc áp dụng VBQPPL**

Thực tiễn sản xuất và đời sống đòi hỏi phải có các chuẩn mực trong mọi hành vi ứng xử, giao tiếp cho mọi thành viên trong xã hội tuân theo. Những văn bản quy định những quy tắc xử sự chung đó được gọi là VBQPPL, được Nhà nước tạo mọi điều kiện bảo đảm việc thực hiện. Các VBQPPL về lâm nghiệp cũng chính là những quy tắc xử sự chung nằm trong khuôn khổ của hệ thống VBQPPL của một quốc gia.

Từ năm 1945 đến nay, Nhà nước đã ban hành hàng nghìn VBQPPL về lâm nghiệp, phục vụ kịp thời đòi hỏi của sản xuất và đời sống; tạo cho sản xuất lâm nghiệp phát triển và phục vụ đời sống nhân dân qua các thời kỳ phát triển của đất nước. Cho đến nay còn trên 500 VBQPPL về lâm nghiệp, quy trình, quy phạm kỹ thuật lâm nghiệp còn hiệu lực thi hành.

Việc giám sát, kiểm tra VBQPPL được tiến hành nhằm phát hiện những nội dung sai trái của văn bản để kịp thời đình chỉ việc thi hành, sửa đổi, huỷ bỏ hoặc bãi bỏ văn bản nhằm bảo đảm tính hợp hiến, hợp pháp và tính thống nhất của hệ thống pháp luật, đồng thời kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xác định trách nhiệm của cơ quan, cá nhân đã ban hành văn bản sai trái. Theo Luật Ban hành VBQPPL và Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội:

- Nội dung giám sát, kiểm tra văn bản bao gồm: (a) Sự phù hợp của văn bản với Hiến pháp, luật, nghị quyết của Quốc hội và văn bản của cơ quan nhà nước cấp trên; (b) Sự phù hợp của hình thức văn bản với nội dung văn bản đó; (c) Sự phù hợp của nội dung văn bản với thẩm quyền của cơ quan ban hành văn bản.

- Quốc hội giám sát, xử lý văn bản trái pháp luật: (a) Quốc hội thực hiện quyền giám sát tối cao đối với văn bản quy phạm pháp luật của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành; (b) Theo đề nghị của Ủy ban thường vụ Quốc hội, Chủ tịch nước, Hội đồng Dân tộc, các Ủy ban của Quốc hội, Chính phủ, Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên, đại biểu Quốc hội, Quốc hội xem xét, quyết định bãi bỏ một phần hoặc toàn bộ luật, nghị quyết của Quốc hội trái Hiến pháp; xem xét, quyết định bãi bỏ một phần hoặc toàn bộ văn bản quy phạm pháp luật của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chủ tịch nước, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao trái Hiến pháp, luật, nghị quyết của Quốc hội.

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội (UBTVQH) thực hiện quyền giám sát đối với văn bản quy phạm pháp luật của các cơ quan nhà nước trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình. UBTVQH tự mình hoặc theo đề nghị của Hội đồng Dân tộc, Ủy ban của Quốc hội hoặc đại biểu Quốc hội huỷ bỏ một phần hoặc toàn bộ văn bản quy phạm pháp luật của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao trái với pháp lệnh và nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; đình chỉ việc thi hành một phần hoặc toàn bộ văn bản quy phạm pháp luật của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao trái với Hiến pháp, luật, nghị quyết của Quốc hội và trình Quốc hội quyết định việc huỷ bỏ một phần hoặc toàn bộ văn bản đó. UBTVQH tự mình hoặc theo đề nghị của Thủ tướng Chính phủ, Hội đồng Dân tộc, Ủy ban của Quốc hội hoặc đại biểu Quốc hội bãi bỏ một phần hoặc toàn bộ nghị quyết sai trái của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh. Trong trường hợp phát hiện văn bản quy phạm pháp luật trái với Hiến pháp, luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội, thì UBTVQH đình chỉ việc thi hành văn bản và yêu cầu cơ quan ban hành văn bản sửa đổi hoặc bãi bỏ theo thẩm quyền. Cơ quan ban hành văn bản phải chấp hành ý kiến của UBTVQH.

- Hội đồng Dân tộc các Ủy ban của Quốc hội giám sát văn bản quy phạm pháp luật của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, văn bản quy phạm pháp luật liên tịch giữa các cơ quan nhà nước có thẩm quyền ở trung ương hoặc giữa cơ quan nhà nước có thẩm quyền với cơ quan trung ương của tổ chức chính trị - xã hội thuộc lĩnh vực Hội đồng Dân tộc, Ủy ban phụ trách. Ủy ban Pháp luật của Quốc hội còn giám sát văn bản quy phạm pháp luật của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao. Trong trường hợp phát hiện văn bản quy phạm pháp luật của Chính phủ, Thủ tướng Chính

phủ, của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao có dấu hiệu trái với Hiến pháp, luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội thì Hội đồng Dân tộc, các Ủy ban của Quốc hội yêu cầu cơ quan ban hành văn bản xem xét lại văn bản để đình chỉ việc thi hành, sửa đổi hoặc huỷ bỏ. Trong thời hạn ba mươi ngày, kể từ ngày nhận được yêu cầu, cơ quan đã ban hành văn bản có trách nhiệm trả lời Hội đồng Dân tộc, các Ủy ban của Quốc hội; nếu cơ quan đã ban hành văn bản không đình chỉ việc thi hành, sửa đổi hoặc huỷ bỏ văn bản thì Hội đồng Dân tộc, các Ủy ban của Quốc hội đề nghị Ủy ban Thường vụ Quốc hội xem xét, quyết định. Trong trường hợp phát hiện văn bản quy phạm pháp luật của Bộ trưởng, thủ trưởng cơ quan ngang bộ, văn bản quy phạm pháp luật liên tịch giữa các cơ quan nhà nước có thẩm quyền ở trung ương hoặc giữa cơ quan nhà nước có thẩm quyền với cơ quan trung ương của tổ chức chính trị - xã hội có dấu hiệu trái với Hiến pháp, luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội thì Hội đồng Dân tộc, các Ủy ban của Quốc hội yêu cầu cơ quan ban hành văn bản xem xét lại văn bản để đình chỉ việc thi hành, sửa đổi hoặc huỷ bỏ. Trong thời hạn ba mươi ngày, kể từ ngày nhận được yêu cầu, cơ quan đã ban hành văn bản có trách nhiệm trả lời Hội đồng Dân tộc, các Ủy ban của Quốc hội; nếu cơ quan đã ban hành văn bản không đình chỉ việc thi hành, sửa đổi hoặc huỷ bỏ văn bản thì Hội đồng Dân tộc, các Ủy ban của Quốc hội đề nghị Thủ tướng Chính phủ xem xét, xử lý theo thẩm quyền.

- Chính phủ kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật của các bộ, cơ quan ngang bộ, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định bãi bỏ hoặc đình chỉ việc thi hành một phần hoặc toàn bộ văn bản quy phạm pháp luật của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trái với Hiến pháp, luật và các văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên; xem xét, quyết định đình chỉ thi hành một phần hoặc toàn bộ nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh trái Hiến pháp, luật và các văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên, đồng thời đề nghị Ủy ban Thường vụ Quốc hội bãi bỏ. Bộ Tư pháp giúp Chính phủ thống nhất quản lý nhà nước về công tác kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật, giúp Thủ tướng Chính phủ kiểm tra, xử lý văn bản trái pháp luật của các bộ, cơ quan ngang bộ, Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

- Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật của các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh về những nội dung có liên quan đến ngành, lĩnh vực do

mình phụ trách. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ quản lý ngành, lĩnh vực có quyền kiến nghị với Bộ trưởng, thủ trưởng cơ quan ngang Bộ đã ban hành văn bản trái với văn bản về ngành, lĩnh vực do mình phụ trách bãi bỏ hoặc đình chỉ việc thi hành một phần hoặc toàn bộ văn bản đó; nếu kiến nghị đó không được chấp nhận thì trình Thủ tướng Chính phủ quyết định; kiến nghị với Thủ tướng Chính phủ đình chỉ việc thi hành nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh trái với văn bản quy phạm pháp luật của Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chủ tịch nước, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, hoặc của bộ, cơ quan ngang bộ về ngành, lĩnh vực do bộ, cơ quan ngang bộ phụ trách; đình chỉ việc thi hành và đề nghị Thủ tướng Chính phủ bãi bỏ quyết định, chỉ thị của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trái với văn bản quy phạm pháp luật về ngành, lĩnh vực do mình phụ trách; nếu Ủy ban nhân dân cấp tỉnh không nhất trí với quyết định đình chỉ thi hành, thì vẫn phải chấp hành, nhưng có quyền kiến nghị với Thủ tướng Chính phủ.

Công tác triển khai thực hiện VBQPPL vào sản xuất và đời sống là thuộc chức năng, nhiệm vụ của các bộ, ngành, Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân các cấp. Việc tổ chức theo dõi, đánh giá VBQPPL trong địa phương mỗi cấp do Hội đồng nhân dân các cấp chủ trì thực hiện. Tổ chức pháp chế các bộ, ngành có nhiệm vụ thường xuyên rà soát, đánh giá các VBQPPL do thủ trưởng bộ, ngành mình ban hành, phát hiện những quy định không phù hợp để kiến nghị sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ từng phần hay toàn bộ văn bản do bộ, ngành mình ban hành, xây dựng mới các văn bản thay thế (pháp điển hoá). Pháp chế bộ, ngành còn có nhiệm vụ rà soát các VBQPPL của các bộ, ngành khác, uỷ ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương ban hành có liên quan đến lĩnh vực quản lý của bộ, ngành mình; phát hiện những quy định không phù hợp với hệ thống VBQPPL của Nhà nước và của bộ, ngành mình; kiến nghị cơ quan ban hành văn bản đó đình chỉ việc thi hành, sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ từng phần hay toàn bộ văn bản theo quy định của pháp luật. Có nhiều phương pháp rà soát văn bản. Chưa được tổng kết và ban hành thành quy trình, phương pháp luận thống nhất. Dự án VIE/98/001 (Tăng cường năng lực pháp luật tại Việt Nam-Giai đoạn II) đã nghiên cứu và phát hành Sổ tay hướng dẫn nghiệp vụ rà soát, hệ thống hoá văn bản quy phạm pháp luật, trong đó đề xuất quy trình 4 bước. Đây là tài liệu đơn giản, dễ hiểu, dễ làm.

Trong quá trình thực hiện VBQPPL, mọi tổ chức, cá nhân nếu phát hiện những quy định chưa phù hợp với thực tiễn, không có khả năng thực hiện hoặc mâu thuẫn, chồng chéo với các VBQPPL khác đã ban hành, đều có thể phản ánh với các cơ quan có thẩm quyền (cơ quan ban

hành văn bản, cơ quan Thanh tra, cơ quan dân nguyện) và đề nghị sửa đổi, bổ sung, thay thế một phần hay toàn bộ văn bản. Chính hệ thống phản hồi này của các tổ chức, cá nhân thuộc đối tượng điều chỉnh của các VBQPPL là những công cụ hiệu lực nhất, đánh giá chính xác nhất về hiệu lực và hiệu quả của VBQPPL.

### 1.3.2. Thực tiễn tổ chức, theo dõi việc thực hiện văn bản quy phạm pháp luật về lâm nghiệp

Mục đích của các VBQPPL về lâm nghiệp nhằm ngăn chặn tình trạng phá rừng, bảo vệ và phát triển rừng bền vững, phát huy các lợi ích của rừng phục vụ sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. VBQPPL về lâm nghiệp có tác động trực tiếp hoặc gián tiếp đến sản xuất và đời sống của cộng đồng dân cư.

Ở Trung ương, Hội đồng Dân tộc của Quốc hội, Bộ Tư pháp, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phối hợp với các bộ, ngành liên quan thường xuyên tổ chức giám sát, kiểm tra, theo dõi tình hình thực hiện VBQPPL về lâm nghiệp. Năm 1998 Hội đồng Dân tộc của Quốc hội đã tiến hành kiểm tra, giám sát việc thi hành Luật Bảo vệ và phát triển rừng trong toàn quốc. Hội đồng Dân tộc đã có báo cáo và kiến nghị Quốc hội sửa đổi, bổ sung Luật Bảo vệ và phát triển rừng cho phù hợp với sự phát triển mới của đất nước. Năm 1995 Bộ Lâm nghiệp đã tiến hành rà soát, đánh giá các VBQPPL đã ban hành và bãi bỏ 26 văn bản (Quyết định số 673/QĐ ngày 7/10/1995). Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, trong quá trình tổ chức thực hiện các VBQPPL của các cơ quan Nhà nước và của Bộ ban hành, đã thường xuyên rà soát, phát hiện và kiến nghị cơ quan có thẩm quyền bãi bỏ hoặc bãi bỏ theo thẩm quyền, kiến nghị về sửa đổi, bổ sung, xây dựng mới các VBQPPL. Thí dụ về việc thực hiện Nghị định 18/CP năm 1992 của Chính phủ (quy định về danh mục các loại thực vật rừng, động vật rừng quý, hiếm và chế độ quản lý, bảo vệ) đã phát hiện nhiều loài động vật, thực vật rừng cần điều chỉnh trong các danh mục. Bộ đã đề nghị và Chính phủ đã sửa đổi, bổ sung Nghị định 18 tại Nghị định số 23/2000/NĐ-CP và Nghị định số 48/2002/NĐ-CP.

Ở địa phương, Hội đồng nhân dân các cấp là cơ quan tối cao có chức năng giám sát tình hình thực hiện VBQPPL ở địa phương; Ủy ban nhân dân các cấp giúp việc cho Hội đồng nhân dân trong quá trình triển khai thực hiện các VBQPPL cũng đồng thời theo dõi, đánh giá tình hình thực hiện VBQPPL ở địa phương để báo cáo Hội đồng nhân dân có những kiến nghị thích hợp trong quá trình thực hiện. Theo quy định của Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội, ngoài các đoàn giám sát của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội, các



đại biểu Quốc hội, Đoàn đại biểu Quốc hội tại các tỉnh, thành phố thuộc Trung ương có trách nhiệm nghiên cứu, xem xét nội dung các VBQPPL ban hành. Nếu phát hiện có dấu hiệu trái pháp luật thì đại biểu Quốc hội, Đoàn đại biểu Quốc hội trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có quyền yêu cầu các cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền xem xét, sửa đổi, bổ sung, đình chỉ việc ban hành, bãi bỏ một phần hay toàn bộ văn bản hoặc ban hành VBQPPL mới.

Ở cơ sở, thực tiễn cuộc sống là nơi diễn ra những mối quan hệ kinh tế - xã hội, là nơi thử thách tính đúng đắn, hiệu lực của những VBQPPL về lâm nghiệp đã ban hành. Cơ sở là nơi phát sinh, điều chỉnh những vấn đề mà sản xuất và đời sống đòi hỏi VBQPPL về lâm nghiệp phải đáp ứng kịp thời, đầy đủ và phù hợp với thực tiễn sản xuất và đời sống. Cơ sở là bài học thực tiễn của cơ quan xây dựng và ban hành VBQPPL về lâm nghiệp. Theo quy định của Luật Ban hành VBQPPL, khi xây dựng một VBQPPL, cơ quan soạn thảo phải tổng kết tình hình thi hành pháp luật, đánh giá các VBQPPL hiện hành có liên quan đến dự án, dự thảo; khảo sát, đánh giá thực trạng quan hệ xã hội liên quan đến nội dung của dự án, dự thảo và nhiều hoạt động khác liên quan đến quá trình triển khai thực hiện pháp luật ở cơ sở.

Hiện nay trong lĩnh vực lâm nghiệp có trên 500 văn bản VBQPPL, quy phạm, quy trình kỹ thuật lâm nghiệp đang có tác động điều chỉnh các hoạt động quản lý, bảo vệ, xây dựng, phát triển và sử dụng rừng. Các văn bản này đã phục vụ kịp thời những yêu cầu của thực tiễn sản xuất và đời sống, góp phần tăng độ che phủ của rừng trong 10 năm từ 28% (1993) lên 34,5% (2002). Tuy nhiên với sự phát triển liên tục của hệ thống VBQPPL chung trong cả nước, những đòi hỏi bức thiết của thực tiễn phát triển sản xuất lâm nghiệp, một số VBQPPL về lâm nghiệp còn bất cập, cần được sửa đổi, bổ sung, xây dựng mới hoặc pháp điển hoá để thay thế những văn bản không còn hiệu lực. Việc giám sát, đánh giá và hoàn chỉnh hệ thống VBQPPL là nhiệm vụ thường xuyên của mọi tổ chức, cá nhân hoạt động trong lĩnh vực lâm nghiệp.

## **2. KHUÔN KHỔ PHÁP LÝ LÂM NGHIỆP**

### **2.1. Giới thiệu**

Khuôn khổ pháp lý lâm nghiệp được xem là sự tập hợp các văn bản quy phạm pháp luật (QPPL) về lâm nghiệp hiện còn hiệu lực thi hành. Hệ thống văn bản QPPL được tập hợp có hệ thống thứ tự theo thẩm quyền ban hành (Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Liên bộ, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, các Bộ, ngành khác) và được phân tích trong mối liên quan theo các chủ đề (quản lý nhà nước, tổ chức bộ máy, hợp tác quốc tế...).

## 2.2. Phân tích văn bản

Việc đánh dấu sự liên quan của các văn bản QPPL (tại mục II) với các chủ đề được thể hiện theo hai cách:

- Nếu có thể phân tích được nội dung các điều nào của văn bản liên quan, chúng tôi ghi số hiệu điều liên quan vào cột tương ứng. Ví dụ: 2(37) hoặc 2(15-28) có nghĩa là văn bản liên quan đến nội dung quản lý nhà nước thể hiện ở trang 37 hoặc từ trang 15 đến trang 28.
- Nếu không thể phân tích được chi tiết, chúng tôi đánh dấu “x”. Ví dụ: 4(x) có nghĩa là văn bản liên quan đến Dự án, chương trình đầu tư phát triển lâm nghiệp nhưng không thể phân tích được chi tiết.

## 2.3. Các ký hiệu tra cứu

1	Chính sách, Chiến lược phát triển lâm nghiệp	17	Đường lâm nghiệp, khai thác rừng
2	Quản lý nhà nước	18	Chế biến lâm sản
3	Tổ chức bộ máy	19	Lâm sản ngoài gỗ
4	Dự án, chương trình đầu tư phát triển lâm nghiệp	20	Kinh doanh và thị trường, xuất nhập khẩu lâm sản
5	Các hệ sinh thái lâm nghiệp Việt Nam	21	Lao động học lâm nghiệp
6	Đất rừng, dinh dưỡng và quản lý	22	Lâm nghiệp cộng đồng
7	Điều tra quy hoạch rừng, phân loại sử dụng đất lâm nghiệp	23	Giao dục và đào tạo
8	Giao đất, giao rừng, cho thuê rừng ; quyền và nghĩa vụ các chủ rừng	24	Kinh tế lâm nghiệp và đầu tư
9	Quản lý bảo vệ rừng, quản lý rừng bền vững, chứng chỉ rừng	25	Đổi mới lâm trường quốc doanh
10	Quản lý rừng đặc dụng	26	Giám sát môi trường, hấp thụ cacbon, nghiên cứu khoa

## học lâm nghiệp

11	Quản lý rừng phòng hộ	27	Xử lý vi phạm
12	Khuyến lâm, nông lâm kết hợp, bãi chăn gia súc	28	Kiểm lâm
13	Quản lý động vật hoang dã	29	Hợp tác quốc tế
14	Quản lý nguồn gen lâm nghiệp, vườn ươm, chọn loài cây, trồng rừng, phát triển rừng	30	Phân cấp quản lý nhà nước, cải cách hành chính
15	Quản lý sâu bệnh hại rừng	31	Bảo tồn thiên nhiên
16	Phòng chống cháy rừng	32	Các vấn đề khác

### 2.4. Nguồn thông tin

Nguồn thông tin được khai thác thông qua các nguồn:

- *Công báo Chính phủ: (ghi chi tiết năm xuất bản, số Công báo trong năm và tại trang nào). Ví dụ: CB 1998/16/0847 có nghĩa là đăng tại trang 847 của Công báo số 16, năm 1998.*
- *Các tuyển tập văn bản QPPL đã xuất bản:*
  - *Sách LN tập I, là sách “Các văn bản pháp luật về lâm nghiệp tập I”, do Bộ Lâm nghiệp (nay là Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn) tập hợp. Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia phát hành năm 1994.*
  - *Sách LN tập II, là sách “Các văn bản pháp luật về lâm nghiệp tập II”, do Bộ Lâm nghiệp tập hợp. Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia phát hành năm 1994.*
  - *Sách LN 2000, là sách “Văn bản pháp quy về lâm nghiệp”, do Cục Phát triển Lâm nghiệp (nay là Cục Lâm nghiệp) tập hợp. Nhà xuất bản Nông nghiệp phát hành năm 2000.*
  - *VBQPPL về QL BVR (2002), là sách “Văn bản quy phạm pháp luật về quản lý bảo vệ rừng”, do Cục Kiểm lâm tập hợp. Nhà xuất bản Nông nghiệp phát hành năm 2002.*
  - *Sách LN 2003, tập II, là sách “Văn bản pháp quy về lâm nghiệp tập II”, do Cục Lâm nghiệp tập hợp. Nhà xuất bản Nông nghiệp phát hành năm 2003.*

- *Các bản chụp của các văn bản (nếu chưa được đăng trong Công báo và các cuốn sách nêu trên).*
- *Các cuốn sách do Nhà xuất bản Chính trị quốc gia ban hành.*

## 2.5. Khuôn khổ pháp lý về quản lý rừng và đất lâm nghiệp

TT	Số hiệu và tên văn bản	Nội dung điều chỉnh	Nguồn thông tin
<b>VĂN BẢN DO QUỐC HỘI BAN HÀNH</b>			
	<b>Luật, Bộ luật</b>		
1	Luật Bảo vệ và phát triển rừng, 1991	1(2-5); 2(8,9,11); 3(45); 7(1,7,8, 21,36); 8(2,10, 13-15, 40, 41); 9(18-25); 10(31-35); 11(26-30); 12(20,21); 13(3,19); 14(18-19, 25,29, 36-38, 53); 15(23); 16(22); 17(19,29, 37-39); 18(4,36); 19(39); 20(24,25, 38,39); 24(4); 26(34,35); 27(6,16, 17,20, 49-52); 29(42-44); 32(42-44)	CB 1991/ 19/ 0466
2	Luật Đất đai, 1993, 1998, 2001	4(5); 6(43); 7(43,72); 8(20-26, 73-75)	CB 1993/ 32/ 0532; CB 1999/ /02/0088; CB 2001/ 32/ 2095
3	Luật Thuế sử dụng đất nông nghiệp, 1993	1(2,9,19); 4(2,9,19); 8(2,9,19); 14(2,9,19); 24(2,9,19)	CB 1993/21/0516
4	Luật Bảo vệ Môi trường, 1993	(37)(38)(19)(11,12)(29)(29)	CB 1994/04/0090
5	Luật Thuế chuyển quyền sử dụng đất, 1994	1(7) 4(7); 8(7); 14(7) 24(7)	CB 1994/16/0431
6	Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp, 1997 (hiệu lực từ 1/1/1999)	1(1); 3(2); 4(10,17); 20(10,17); 24(10,17)	CB 1997/13/0853
7	Luật Khuyến khích đầu tư trong nước, 1998	1(15-28); 4(15-28); 8(15-16); 18(15-28); 20(15-28); 24(15-28)	CB 1998/21/1162
8	Luật Tài nguyên nước	11(11)	CB 1998/21/1196
9	Bộ Luật Hình sự, 1999	27(175,176,189-191)	CB 2000/08/0443
10	Bộ Luật Tố tụng hình sự.	27(83,91, 93)	CB 1988/21/0422; CB 1990/14/0262;

TT	Số hiệu và tên văn bản	Nội dung điều chỉnh	Nguồn thông tin
			CB 1993/06/0130; CB 2000/28/1864
11	Luật Thuế giá trị gia tăng, 1997	1(8); 4(8); 20(8); 24(8)	CB 1997/13/0845
12	Luật Phòng cháy, chữa cháy, 2002	3(37, 43); 4(31,32); 8(3,5,33); 16(14,15, 19)	CB 2002/33/2162
	<b>Nghị quyết của Quốc hội</b>		
13	Nghị quyết số 08/1997/QH10 của Quốc hội khoá X kỳ họp thứ 2 (từ ngày 21/11/1997 đến 12/12/1997) về Dự án trồng mới 5 triệu ha rừng.	4(x); 22(x); 24(x); 26(x)	Sách LN 2000
<b>VĂN BẢN DO ỦY BAN THƯỜNG VỤ QUỐC HỘI BAN HÀNH</b>			
	<b>Pháp lệnh</b>		
14	Pháp lệnh Tổ chức điều tra hình sự, 1989	28(4-7,29,30)	
15	Pháp lệnh Thuế tài nguyên (sửa đổi), 1998	17(2,6,10); 18(2,6,10); 19(2,6,10)	CB 1998/16/0847
16	Pháp lệnh giống cây trồng, 2004	2(13-14); 14(16-17)	NXB chính trị quốc gia 2004
17	Pháp lệnh giống vật nuôi, 2004	1(12); 2(12); 14(15-16)	NXB chính trị quốc gia 2004
18	Pháp lệnh Xử phạt vi phạm hành chính, 2002	27(14,16,21)	CB 2002/43/2818
<b>VĂN BẢN DO CHÍNH PHỦ, THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ BAN HÀNH</b>			
	<b>Nghị quyết của Chính phủ</b>		
19	Nghị quyết 03/2000/NQ-CP ngày 2/02/2000 của Chính phủ về kinh tế trang trại	1(x);8(x); 12(x); 22(x)	CB 2000/10/ 0615
20	Nghị quyết số 09/2000/NQ-CP ngày 15/6/2000 của Chính phủ về một số chủ trương và chính sách về chuyển dịch cơ cấu kinh tế và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp	1(x); 8(x); 14(x); 20(x)	CB2000/26/1733

TT	Số hiệu và tên văn bản	Nội dung điều chỉnh	Nguồn thông tin
21	Nghị quyết số 08/2004/NQ-CP ngày 30/6/2004 của Chính phủ về tiếp tục đẩy mạnh phân cấp quản lý nhà nước giữa Chính phủ và chính quyền tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	30(4-8)	Bản chụp
<b>Nghị định của Chính phủ</b>			
22	Nghị định số 39-CP ngày 05/4/1963 của Hội đồng Bộ trưởng ban hành điều lệ tạm thời về săn, bắn chim, thú rừng.	5(1,5-8); 13(1); 27(13,14)	CB 1963/11/0132
23	Nghị định số 06/HĐBT ngày 07/01/1991 của Hội đồng Bộ trưởng quy định chi tiết thi hành pháp lệnh thuế tài nguyên.	2(2); 24(1-8); 29(10-15); 32(10-15)	Sách LN Tập I
24	Nghị định số 17/HĐBT ngày 17/01/1992 của Hội đồng Bộ trưởng về thi hành Luật Bảo vệ và phát triển rừng.	2(2,5-10); 3(19-22); 6(3); 8(9); 9(16-18); 10(14-15); 11(11-13)	CB 1992/02/0030
25	Nghị định số 18/HĐBT ngày 17/01/1992 của Hội đồng Bộ trưởng Quy định danh mục thực vật rừng, động vật rừng quý, hiếm và chế độ quản lý, bảo vệ	2(2-4,12); 3(13); 9(5-8); 13(1); 14(5-11)	CB 1992/02/0035
26	Nghị định số 13/CP ngày 02/3/1993 của Chính phủ ban hành Bản quy định về công tác khuyến nông.	2(1,4-6); 12(2-3)	CB 1993/07/0156
27	Nghị định số 14/CP ngày 02/3/1993 của Chính phủ ban hành Bản quy định về chính sách cho hộ sản xuất vay vốn để phát triển nông-lâm-diêm nghiệp và kinh tế nông thôn.	8(1-4); 22(5-6); 24(1)	CB 1993/07/0158
28	Nghị định số 73/CP ngày 25/10/1993 của Chính phủ Quy định chi tiết việc phân hạng đất tính thuế sử dụng đất nông nghiệp.	2(3); 6(1-2); 24(4,7)	CB 1994/02/0030
29	Nghị định số 74/CP ngày	24(2,5); 27(19-22);	CB 1993/

TT	Số hiệu và tên văn bản	Nội dung điều chỉnh	Nguồn thông tin
	25/10/1993 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành Luật thuế sử dụng đất nông nghiệp.	29(9-18); 32(9-18)	24/0584
30	Nghị định số 87/CP ngày 17/8/1994 của Chính phủ Quy định khung giá các loại đất.	2(4,5); 24(2)	CB 1994/20/0531
31	Nghị định số 175/CP ngày 18/10/1994 của Chính phủ Hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường.	1(5); 2(5); 5(22); 10(21,22); 13(23); 14(23)	CB 1995/01/0005
32	Nghị định số 01/CP ngày 04/01/1995 của Chính phủ ban hành bản Quy định về giao khoán đất sử dụng vào mục đích nông nghiệp, lâm nghiệp, nuôi trồng thủy sản trong các doanh nghiệp Nhà nước.	2(18); 4(1,2); 8(3-8); 10(13); 11(12); 20(14); 24(9,15)	CB 1995/05/0118
33	Nghị định số 18/CP ngày 13/02/1995 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh về quyền và nghĩa vụ của các tổ chức trong nước được Nhà nước giao đất, cho thuê đất.	2(1,4); 20(6,7); 24(2,3,5); 29(8); 32(8)	CB 1995/08/0216
34	Nghị định số 22/CP ngày 09/3/1995 của Chính phủ ban hành bản Quy định về phòng cháy, chữa cháy rừng.	2(21); 5(17-19); 16(1,3-16); 27(20-22)	CB 1995/10/0254
35	Nghị định số 07/CP ngày 05/02/1996 của Chính phủ về quản lý giống cây trồng.	2(2,3,20-22); 14(1,8); 20(9); 24(4-7); 27(13- 19, 23,24)	CB 1996/09/0361
36	Nghị định số 26/CP ngày 26/4/1996 của Chính phủ Quy định xử phạt vi phạm hành chính về bảo vệ Môi trường.	27(7,8)	CB 1996/ 15/ 0623
37	Nghị định số 47/CP ngày 12/8/1996 của Chính phủ về quản lý vũ khí, vật liệu nổ	28(6,8,10)	CB 1996/22/0940



TT	Số hiệu và tên văn bản	Nội dung điều chỉnh	Nguồn thông tin
38	Nghị định số 56/CP ngày 02/10/1996 của Chính phủ về doanh nghiệp Nhà nước hoạt động công ích	2(3,4); 24(1,2,5); 29(6-14); 32(6-14)	CB 1996/24/1015
39	Nghị định số 68/CP ngày 01/11/1996 của Chính phủ Quy định chi tiết việc thi hành Luật Khoáng sản.	2(7); 5(2); 10(19); 11(19); 13(10); 15(8); 16(7); 18(13); 20(11,12); 27(3,14-29)	CB 1997/01/0031
40	Nghị định số 77/CP ngày 29/11/1996 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý, bảo vệ rừng và quản lý lâm sản.	2(15,16); 9(1); 27(2-14,20-28)	CB 1997/02/0106
41	Nghị định số 04-CP ngày 10/01/1997 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý, sử dụng đất đai	24(1)	CB 1997/05/0289
42	Nghị định 17/CP ngày 21/3/1998 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung khoản c Điều 4 của Nghị định số 87/CP ngày 17/8/1994 của Chính phủ.	24(1)	CB 1998/12/0620
43	Nghị định số 22/1998/NĐ-CP ngày 24/4/1998 của Chính phủ về việc đền bù thiệt hại khi Nhà nước thu hồi đất để sử dụng vào mục đích quốc phòng, an ninh, lợi ích quốc gia, lợi ích công cộng.	1(1); 2(1,32-36); 9(2-4); 29(24,25)	CB 1998/16/0854
44	Nghị định số 30/1998/NĐ-CP ngày 13/5/1998 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp	1(1,9,10); 4(1,9,10); 20(1,9,10); 24(1,9,10)	CB 1998/19/1039
45	Nghị định số 14/1999/NĐ-CP ngày 23/3/1999 của Chính phủ ban hành Danh mục hàng hoá và thuế suất của Việt Nam để thực hiện Hiệp định về Ưu đãi thuế quan có hiệu lực chung (CEPT) của	1(X); 4(X); 20(X); 24(X)	CB 1999/18/1138

TT	Số hiệu và tên văn bản	Nội dung điều chỉnh	Nguồn thông tin
	<b>các nước ASEAN cho năm 1999 và Danh mục hàng hoá và thuế suất để thực hiện Hiệp định về Ưu đãi thuế quan có hiệu lực chung (CEPT) cho khu vực mậu dịch tự do (AFTA) của Việt Nam năm 1999</b>		
46	<b>Nghị định số 17/1999/NĐ-CP ngày 29/3/1999 của Chính phủ Về thủ tục chuyển đổi, chuyển nhượng, cho thuê, cho thuê lại, thừa kế quyền sử dụng đất và thế chấp, góp vốn bằng giá trị quyền sử dụng đất.</b>	2(x); 8(x); 24(x); 32(x)	CB 1999/17/1084
47	<b>Nghị định số 43/1999/NĐ-CP ngày 29/6/1999 của Chính phủ về tín dụng đầu tư phát triển của Nhà nước.</b>	2(45); 18(8); 32(x)	CB 1999/29/1917
48	<b>Nghị định số 51/1999/NĐ-CP ngày 8/7/1999 của Chính phủ hướng dẫn chi tiết thi hành Luật Khuyến khích đầu tư trong nước (sửa đổi) số 3/1998/QH10</b>	1(10-12,15-34); 4(15-34); 8(6,7); 18(15-34); 20(11,15-34); 24(15-34); 26(12)	CB 1999/30/1958
49	<b>Nghị định số 163/1999/ NĐ-CP ngày 16/11/1999 Của Chính phủ về giao đất, cho thuê đất lâm nghiệp Cho tổ chức, hộ gia đình, cá nhân sử dụng ổn định lâu dài vào mục đích lâm nghiệp.</b>	1(1); 2(1,2,16,17); 4(3); 8(6,10-12,18-21); 10(3,7,10); 11(3,8,10); 12(15); 20(3,9);21(4,5); 22(4,5); 29(13,14)	CB 1999/47/3059
50	<b>Nghị định số 19/2000/NĐ-CP ngày 8/6/2000 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Thuế chuyển quyền sử dụng đất</b>	1(7); 8(7); 14(7); 24(7)	CB 2000/25/1672
51	<b>Nghị định số 38/2000/NĐ-CP ngày 23/8/2000 của Chính phủ về thu tiền sử dụng đất</b>	1(2,3,6); 4(2,3,6); 8(2,3,6); 14(2,3,6); 24(2,3,6)	CB 2000/36/2383

TT	Số hiệu và tên văn bản	Nội dung điều chỉnh	Nguồn thông tin
52	Nghị định số 76/2000/NĐ-CP ngày 15/12/2000 của Chính phủ Quy định chi tiết việc thi hành Luật Khoáng sản (sửa đổi)	10(19); 11(19)	CB 2001/ 03/ 0139
53	Nghị định số 79/2000/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Thuế giá trị gia tăng	1(7); 4(7); 20(7); 24(7)	CB 2001/06/0374
54	Nghị định số 13/2001/NĐ-CP ngày 20/4/2001 của Chính phủ về bảo hộ giống cây trồng mới.	2(1,3,8, 18); 14(1,8); 32(x)	CB 2001/19/1223
55	Nghị định số 26/2001/NĐ-CP ngày 4/6/2001 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 30/1998/NĐ-CP ngày 13/5/1998 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp	1(1); 4(1); 20(1); 24(1)	CB 2001/24/1581
56	Nghị định số 11/2002/NĐ-CP ngày 22/01/2002 của Chính phủ về việc quản lý hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu và quá cảnh các loại động vật, thực vật hoang dã.	13(1-5); 32(x)	CB 2002/ 06/0348
57	Nghị định số 17/2002/NĐ-CP ngày 08/02/2002 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 77/CP ngày 29/11/1996 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý rừng, bảo vệ rừng và quản lý lâm sản.	27(x)	CB2002/11+12/ 0650

TT	Số hiệu và tên văn bản	Nội dung điều chỉnh	Nguồn thông tin
58	Nghị định số 48/2002/NĐ-CP ngày 22/4/2002 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung Danh mục thực vật, động vật hoang dã quý hiếm ban hành kèm theo Nghị định số 18/HĐBT ngày 17/1/1992 của Hội đồng Bộ trưởng quy định Danh mục thực vật rừng, động vật rừng quý hiếm và chế độ quản lý, bảo vệ	13(x)	CB2002/24/1540
59	Nghị định số 86/2003/NĐ-CP ngày 18/7/2003 của Chính phủ về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.	1(2); 2(1,2); 3(5-6)	Bản chụp
60	Nghị định số 171/2004/NĐ-CP ngày 29/9/2004 của Chính phủ Quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	2(2-4); 3(6,11)	Bản chụp
61	Nghị định số 172/2004/NĐ-CP ngày 29/9/2004 của Chính phủ Quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh	2(2-4); 3(6)	Bản chụp
<b>Quyết định của Thủ tướng Chính phủ</b>			
62	Quyết định số 72-TTg ngày 07/7/1962 của Thủ tướng Chính phủ về khu rừng Cúc phương	2(2,3); 4(4); 10(1)	CB 1962/27/0421
63	Quyết định số 17-CT ngày 16/01/1991 của Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng về việc thành lập và phê chuẩn luận chứng kinh tế-kỹ thuật rừng cấm quốc gia Ba Vì - Hà Nội.	2(2); 4(1); 10(1)	Sách LN 2000

TT	Số hiệu và tên văn bản	Nội dung điều chỉnh	Nguồn thông tin
64	Quyết định số 214-CT ngày 15/7/1991 của Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng phê duyệt luận chứng kinh tế-kỹ thuật vườn quốc gia Bạch Mã (Thừa Thiên - Huế).	2(2); 4(1); 10(1)	CB 1991/16/0409
65	Quyết định số 227-CT ngày 27/7/1991 của Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng phê duyệt dự án tiền khả thi công trình xây dựng rừng phòng hộ đầu nguồn các hồ Kè gỗ - Sông Rác Nghệ Tĩnh	2(2); 4(1); 11(1)	CB 1991/16/0413
66	Quyết định số 229-CT ngày 27/7/1991 của Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng phê duyệt dự án tiền khả thi công trình xây dựng rừng phòng hộ khu vực hồ Dầu Tiếng Tây Ninh - Sông Bé	2(2); 4(1); 11(1)	CB 1991/16/0415
67	Quyết định số 232-CT ngày 30/7/1991 của Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng về việc chuyển chế độ thu tiền nuôi rừng sang thu thuế tài nguyên	17(1,2); 18(1,2); 19(1,2)	
68	Quyết định số 237-CT ngày 01/8/1991 của Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng phê duyệt luận chứng kinh tế-kỹ thuật vườn quốc gia Cát Bà Hải Phòng thuộc Bộ Lâm nghiệp	2(2); 4(1); 10(1)	CB 1991/17/0434
69	Quyết định số 352-CT ngày 29/10/1991 của Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng về việc phê duyệt luận chứng kinh tế-kỹ thuật vườn quốc gia YOKDON	2(2); 4(1); 10(1)	CB 1991/22/0546
70	Quyết định số 407-CT ngày 18/12/1991 của Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng về việc chuyển giao và đổi tên rừng cấm quốc gia Ba Vi.	2(1); 4(3); 10(2)	CB 1991/24/0591

TT	Số hiệu và tên văn bản	Nội dung điều chỉnh	Nguồn thông tin
71	Quyết định số 08-CT ngày 13/01/1992 của Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng về việc thành lập và phê duyệt luận chứng kinh tế-kỹ thuật vườn quốc gia Cát Tiên.	2(1,3); 4(2); 10(1,2)	CB 1992/01/0022
72	Quyết định số 33-CT ngày 27/01/1992 của Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng về việc thành lập và phê duyệt luận chứng kinh tế-kỹ thuật vườn quốc gia Bến En.	2(1,3); 4(2); 10(2)	CB 1992/02/0051
73	Quyết định số 14/TTg ngày 19/10/1992 của Thủ tướng Chính phủ Về việc phê duyệt Luận chứng kinh tế-kỹ thuật "Khu bảo tồn thiên nhiên Biển Lạc - Núi Ông"	2(2); 4(1); 10(1)	CB 1992/ 20/0491
74	Quyết định số 47/TTg ngày 02/02/1994 của Thủ tướng Chính phủ Về việc xác lập khu bảo tồn thiên nhiên đất ngập nước Tràm Chim thuộc huyện Tam Nông, Tỉnh Đồng Tháp.	2(2,3); 4(2); 10(1)	CB 1994/ 06/0147
75	Quyết định số 133/TTg ngày 31/3/1994 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Dự án tiền khả thi đầu tư xây dựng rừng phòng hộ đầu nguồn sông Sê San	2(2); 4(1); 11(1)	CB 1994/ 10/0271
76	Quyết định số 202/TTg ngày 02/5/1994 của Thủ tướng Chính phủ Ban hành bản quy định việc khoán bảo vệ rừng, khoanh nuôi tái sinh rừng và trồng rừng.	2(2); 8(1)	CB 1994/12/0308
77	Quyết định số 773/TTg ngày 21/12/1994 của Thủ tướng Chính phủ về Chương trình khai thác, sử dụng đất hoang hoá, bãi bồi ven sông, ven biển và mặt nước ở các vùng đồng bằng.	1(1); 2(9); 3(2,3); 11(4); 12(8); 21(8); 24(14)	CB 1995/03/0078

TT	Số hiệu và tên văn bản	Nội dung điều chỉnh	Nguồn thông tin
78	Quyết định số 73/TTg ngày 04/02/1995 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt quy hoạch xây dựng rừng phòng hộ đầu nguồn thủy lợi AYun Hạ ( Tỉnh Gia Lai )	2(1,2); 4(1); 11(1)	CB 1995/07/0182
79	Quyết định số 329/TTg ngày 27/5/1995 của Thủ tướng Chính phủ về việc chuyển giao các nông trường, lâm trường cho địa phương quản lý.	2(4); 3(1); 4(2)	CB 1995/17/0463
80	Quyết định số 348/TTg ngày 9/6/1995 của Thủ tướng Chính phủ về việc bàn giao Liên hiệp các xí nghiệp lâm công nghiệp Sông Hiếu về Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An quản lý		CB1995/17/0465
81	Quyết định số 380/TTg ngày 28/6/1995 của Thủ tướng Chính phủ về tổ chức ngày Lâm nghiệp Việt Nam 28 tháng 11 hàng năm.	1(1); 2(4)2; 3(2); 26(2)	CB1995/18/0498
82	Quyết định số 507/TTg ngày 26/5/1995 của Thủ tướng Chính phủ về việc chuyển trách nhiệm quản lý Nhà nước các Dự án xây dựng rừng phòng hộ Sông Đà, Thạch Nham, Dầu Tiếng, Trị An cho Ủy ban nhân dân các tỉnh trong vùng Dự án .	2(1-3); 4(1); 11(1)	CB 1995/22/0615
83	Quyết định số 845/TTg ngày 2/12/1995 của Thủ tướng Chính phủ Về việc phê duyệt " Kế hoạch hành động bảo vệ đa dạng sinh học của Việt Nam"	3(2); 4(1); 5(1)	CB1996/07/0287
84	Quyết định số 852/TTg ngày 28/12/1995 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập một số tổ chức ở địa phương.	3(1,2)	CB1996/07/0294
85	Quyết định số 136/TTg ngày 06/3/1996 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt dự án khả thi xây dựng Vườn quốc	2(1,5); 3(2); 4(1); 10(1)	CB1996/12/0510

TT	Số hiệu và tên văn bản	Nội dung điều chỉnh	Nguồn thông tin
	gia Tam Đảo.		
86	Quyết định số 791/TTg ngày 26/10/1996 của Thủ tướng Chính phủ Về việc xác lập khu bảo tồn thiên nhiên vùng núi Tà Kóu, huyện Hàm thuận Nam, tỉnh Bình Thuận.	2(3); 4(1,2); 10(1)	CB1997/01/0052
87	Quyết định số 830/TTg ngày 08/11/1996 của Thủ tướng Chính phủ Về việc chuyển giao Vườn quốc gia Bến En thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hoá cho Bộ NN&PTNT quản lý.	2(3); 10(1); 24(2)	CB1997/01/0055
88	Quyết định số 876/TTg ngày 21/11/1996 của Thủ tướng Chính phủ Về việc phê duyệt Dự án lâm nghiệp xã hội và bảo tồn thiên nhiên Khu Pù Mát, tỉnh Nghệ An.	2(3); 3(2); 4(1); 10(1)	CB1997/02/0125
89	Quyết định số 970/TTg ngày 28/12/1996 của Thủ tướng Chính phủ Về việc xác lập khu bảo tồn thiên nhiên quốc gia vùng rừng hồ Kè Gỗ, tỉnh Hà Tĩnh.	2(3); 3(2); 4(1); 10(1)	CB1997/05/0297
90	Quyết định số 435/TTg ngày 16/6/1997 của Thủ tướng Chính phủ Về việc Phê duyệt dự án khả thi trồng rừng tại Hà Tĩnh, Quảng Bình, Quảng Trị (do Chính phủ Cộng hoà Liên bang Đức tài trợ không hoàn lại).	2(3-5); 3(2); 4(1); 8(1); 12(1); 22(1)	CB 1997/15/1001
91	Quyết định số 446/TTg ngày 21/6/1997 của Thủ tướng Chính phủ Về việc phê duyệt Chương trình Điều tra, đánh giá và theo dõi diễn biến tài nguyên rừng	2(3); 3(2); 4(1); 7(1); 12(1)	CB 1997/15/1006



TT	Số hiệu và tên văn bản	Nội dung điều chỉnh	Nguồn thông tin
	toàn quốc thời kỳ 96-2000.		
92	Quyết định số 1018/1997/QĐ-TTg ngày 29/11/1997 của Thủ tướng Chính phủ Về việc phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội vùng kinh tế trọng điểm miền Trung giai đoạn từ nay đến năm 2010.	1(1); 2(2); 4(1); 8(1); 12(1); 18(1); 20(1); 21(1); 24(1)	CB 1998/01/0011
93	Quyết định số 07/1998/QĐ-TTg ngày 16/01/1998 của Thủ tướng Chính phủ Về việc thành lập Ban chỉ đạo Nhà nước Dự án trồng mới 5 triệu ha rừng giai đoạn từ năm 1998 - 2010.	2(3); 3(1,2)	CB1998/06/0310
94	Quyết định số 38/1998/QĐ-TTg ngày 16/02/1998 của Thủ tướng Chính phủ Về việc chuyển giao vườn quốc gia Cát Tiên thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai, Lâm Đồng, Bình Phước cho Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quản lý.	2(2); 3(2); 4(1); 10(1)	CB1998/09/0413
95	Quyết định số 104/QĐ-TTg ngày 18/02/1998 của Thủ tướng Chính phủ Về việc Phê duyệt dự án khả thi trồng rừng nguyên liệu và xây dựng nhà máy ván ép cường độ trung bình ( MDF ) tại tỉnh Gia Lai.	3(4,5); 4(1); 7(2); 18(1,3)	CB 1998/09/0418
96	Quyết định số 65/1998/QĐ-TTg ngày 24/3/1998 của Thủ tướng Chính phủ Về việc xuất khẩu sản phẩm gỗ, lâm sản và nhập khẩu nguyên liệu gốc, lâm sản.	3(6); 9(3,5); 20(1,2)	CB 1998/13/0686

TT	Số hiệu và tên văn bản	Nội dung điều chỉnh	Nguồn thông tin
97	Quyết định số 661/QĐ-TTg ngày 29/7/1998 của Thủ tướng Chính phủ Về mục tiêu, nhiệm vụ, chính sách và tổ chức thực hiện Dự án trồng mới 5 triệu ha rừng.	1(1);2(13); 3(11,12); 4(1); 8(7); 10(4); 11(4); 14(4); 21(1); 22(1); 24(4-6); 26(9); 29(8)	CB 1998/27/1568
98	Quyết định số 136/1998/QĐ-TTg ngày 31/7/1998 của Thủ tướng Chính phủ Về việc sửa đổi một số quy định về thủ tục xuất khẩu sản phẩm gỗ, lâm sản.	9(1,2); 18(2,3); 20(2)	CB 1998/27/1585
99	Quyết định số 145/1998/QĐ-TTg ngày 15/8/1998 của Thủ tướng Chính phủ Về chính sách quản lý và sử dụng rừng trồng bằng nguồn vốn tài trợ của Chương trình lương thực thế giới PAM	4(1); 8(1-5)	CB 1998/30/1760
100	Quyết định số 149/1998/QĐ-TTg ngày 21/8/1998 của Thủ tướng Chính phủ Về việc quy hoạch phát triển lâm nghiệp vùng nguyên liệu gỗ trụ mỏ Đông Bắc đến năm 2010.	1(x)	CB 1998/30/1763
101	Quyết định số 160/1998/QĐ-TTg ngày 04/9/1998 của Thủ tướng Chính phủ Về việc phê duyệt quy hoạch tổng thể phát triển ngành công nghiệp giấy đến năm 2010.		CB 1998/ 31/1833
102	Quyết định số 1026/QĐ-TTg ngày 13/11/1998 của Thủ tướng Chính phủ Về việc Phê duyệt dự án xây dựng khu bảo tồn thiên nhiên đất ngập nước Thạnh Phú, huyện Thạnh Phú, Tỉnh Bến Tre		CB 1998/36/2202
103	Quyết định 245/1998/QĐ-TTg ngày 21/12/1998 của Thủ tướng Chính phủ Về thực hiện trách nhiệm quản	2(1-6)	CB 1999/04/0217

TT	Số hiệu và tên văn bản	Nội dung điều chỉnh	Nguồn thông tin
	lý Nhà nước của các cấp về rừng và đất lâm nghiệp.		
104	Quyết định số 1090/QĐ-TTg ngày 05/12/1998 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Dự án đầu tư xây dựng vườn quốc gia Cát Tiên.	2(3,5); 3(2); 4(1); 10(1)	CB 1999/01/0044
105	Quyết định số 253/1998/QĐ-TTg ngày 29/12/1998 của Thủ tướng Chính phủ Về việc chuyển hạng khu bảo tồn thiên nhiên đất ngập nước Tràm Chim tỉnh Đồng Tháp thành vườn quốc gia Tràm Chim và phê duyệt dự án đầu tư xây dựng vườn quốc gia Tràm Chim giai đoạn 1999-2003	2(4); 3(3); 4(2); 10(1)	CB 1999/05/0293
106	Quyết định số 67/1999/QĐ-TTg ngày 03/5/1999 của Thủ tướng Chính phủ về một số chính sách tín dụng ngân hàng phục vụ phát triển nông nghiệp và nông thôn	1(1); 4(1); 24(1)	CB 1999/17/1098
107	Quyết định số 116/1999/QĐ-TTg ngày 03/5/1999 của Thủ tướng Chính phủ Về việc phê duyệt quy hoạch phân vùng khôi phục rừng ngập mặn ( vùng dự án ) thuộc các tỉnh: Cà Mau, Bạc Liêu, Sóc Trăng, Trà Vinh.	2(4); 4(2,3); 10(1); 26(2)	CB 1999/ 21/ 1352
108	Quyết định số 162/1999/QĐ-TTg ngày 07/8/1999 của Thủ tướng Chính phủ Về chính sách hưởng lợi của các hộ gia đình, cá nhân tham gia Dự án trồng rừng bằng nguồn vốn viện trợ không hoàn lại của Chính phủ CHLB Đức.	2(6); 4(1); 8(2,3,4)	CB 1999/ 34/2222

TT	Số hiệu và tên văn bản	Nội dung điều chỉnh	Nguồn thông tin
109	Quyết định số 187/1999/QĐ-TTg ngày 16/9/1999 của Thủ tướng Chính phủ Về đổi mới tổ chức và cơ chế quản lý lâm trường quốc doanh.	1(1,2); 2(8,10); 3(3,7); 6(4); 9(4); 21(5); 24(6); 25(2,3)	CB 1999/39/2536
110	Quyết định số 211/1999/QĐ-TTg ngày 28/10/1999 của Thủ tướng Chính phủ về lãi suất vay vốn trồng rừng nguyên liệu công nghiệp	1(1,2); 4(1,2); 14(1,2); 24(1,2)	CB 1999/45/2941
111	Quyết định số 225/1999/QĐ-TTg ngày 10/12/1999 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình giống cây trồng, giống vật nuôi và giống cây lâm nghiệp	2(1,2); 4(3,4); 24(3); 26(3)	CB 2000/02/0103
112	Quyết định số 25/2000/QĐ-TTg ngày 21/02/2000 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt dự án khả thi bảo vệ và phát triển những vùng đất ngập nước ven biển Miền Nam Việt Nam tại các tỉnh: Cà Mau, Bạc Liêu, Sóc Trăng, Trà Vinh	2(4); 3(1,2); 4(1); 11(1); 24(2); 29(3)	CB 2000/ 25/0689
113	Quyết định số 109/2000/QĐ-TTg ngày 20/9/2000 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Hiệp định giữa Chính phủ Cộng hoà XHCNVN và Chính phủ Hoàng Gia CampuChia về hợp tác khoa học nông-lâm nghiệp.	1(1); 2(2)	
114	Quyết định số 251/QĐ-TTg ngày 22/3/2000 của Thủ tướng Chính phủ về việc bổ sung, sửa đổi thủ tục thanh toán vốn cho việc thực hiện Dự án trồng mới 5 triệu ha rừng.	2(3); 4(1); 24(1)	CB 2000/ 15/0949

TT	Số hiệu và tên văn bản	Nội dung điều chỉnh	Nguồn thông tin
115	Quyết định số 132/2000/QĐ-TTg ngày 24/11/2000 của Thủ tướng Chính phủ về một số chính sách khuyến khích phát triển ngành nghề nông thôn	1(X); 4(X); 8(X); 12(X); 20(X); 21(X); 24(X)	
116	Quyết định số 03/QĐ-TTg ngày 05/01/2001 của Thủ tướng Chính phủ Về việc phê duyệt kết quả kiểm kê rừng toàn quốc.	1(1,2,3); 2(3); 7(1)	CB 2001/06/0402
117	Quyết định số 08/2001/QĐ-TTg ngày 11/01/2001 của Thủ tướng Chính phủ Về việc ban hành quy chế quản lý rừng đặc dụng, rừng phòng hộ, rừng sản xuất là rừng tự nhiên.	2(3); 6(1); 9(1); 14(1); 20(1)	CB 2001/07/0418
118	Quyết định số 28/2001/QĐ-TTg ngày 09/3/2001 của Thủ tướng Chính phủ sửa đổi, bổ sung Quyết định số 141/2000/QĐ-TTg ngày 11/12/2000 về chính sách đầu tư và hưởng lợi đối với hộ gia đình cá nhân và các xã tham gia Dự án khu vực lâm nghiệp và quản lý rừng phòng hộ đầu nguồn tại các tỉnh Thanh Hoá, Quảng Trị, Phú Yên, Gia Lai theo Hiệp định tín dụng số 1515VIE ( SF )	2(3); 4(1); 8(1); 11(1); 24(1)	CB 2001/ 14/0903
119	Quyết định số 46/2001/QĐ-TTg ngày 4/4/2001 của Thủ tướng Chính phủ về quản lý xuất khẩu, nhập khẩu hàng hoá thời kỳ 2001-2005	20(4)	CB 2001/17/1087
120	Quyết định số 50/2001/QĐ-TTg ngày 10/4/2001 của Thủ tướng Chính phủ Về việc điều chỉnh phạm vi ranh giới và đổi tên khu bảo tồn thiên nhiên Biển Lạc - Núi Ông.	2(5); 4(2,3); 10(1)	CB 2001/ 17/1111

TT	Số hiệu và tên văn bản	Nội dung điều chỉnh	Nguồn thông tin
121	Quyết định số 52/2001/QĐ-TTg ngày 12/4/2001 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chỉ tiêu sản lượng gỗ khai thác từ rừng tự nhiên giai đoạn 2002-2005	1(1); 2(1); 17(1)	CB 2001/18/1155
122	Quyết định số 85/2001/QĐ-TTg ngày 01/6/2001 của Thủ tướng Chính phủ Về việc chuyển hạng Khu bảo tồn thiên nhiên Ba Mùn tỉnh Quảng Ninh thành Vườn quốc gia Bái Tử Long.	2(3,5); 4(2); 10(1,2)	CB 2001/ 24/1592
123	Quyết định số 91/2001/QĐ-TTg ngày 06/6/2001 của Thủ tướng Chính phủ về việc chuyển hạng khu bảo tồn thiên nhiên Phú Quốc tỉnh Kiên Giang thành vườn quốc gia Phú Quốc.	2(4,5); 4(2); 10(1-3)	CB 2001/ 25/1638
124	Quyết định số 1070/QĐ-TTg ngày 20/8/2001 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Dự án khả thi đầu tư xây dựng vùng rừng nguyên liệu giấy KonTum giai đoạn 2000-2010.	1(1); 3(3); 4(1); 8(1,2); 14(1,2); 16(1); 17(1); 18(1); 24(1,2); 29(3)	CB 2001/36/2397
125	Quyết định số 152/2001/QĐ-TTg ngày 09/10/2001 của Thủ tướng Chính phủ về cơ chế và chính sách sách đầu tư trồng rừng phòng hộ đầu nguồn các tỉnh: Quảng Trị, Thừa Thiên - Huế, Quảng Nam, Quảng Ngãi và Phú Yên vay vốn của Ngân hàng hợp tác quốc tế Nhật Bản (JBIC)	2(2,3); 4(1); 11(1)	CB 2001/ 42/2785
126	Quyết định số 174/2001/QĐ-TTg ngày 08/11/2001 của Thủ tướng Chính phủ về việc chuyển hạng khu bảo tồn thiên nhiên Pù Mát tỉnh Nghệ An thành vườn quốc	2(3,5); 4(2); 10(1,2)	CB 2001/ 46/3107

TT	Số hiệu và tên văn bản	Nội dung điều chỉnh	Nguồn thông tin
	gia Pù Mát.		
127	Quyết định số 178/2001/QĐ-TTg ngày 12/11/2001 của Thủ tướng Chính phủ về quyền hưởng lợi, nghĩa vụ của các hộ gia đình, cá nhân được giao, được thuê, được nhận khoán rừng và đất lâm nghiệp	2(24); 8(1,3,mục II,III); 22(2)	CB 2001/ 47/ 3128
128	Quyết định số 186/2001/QĐ-TTg ngày 7/12/2001 của Thủ tướng Chính phủ về phát triển kinh tế-xã hội ở 6 tỉnh đặc biệt khó khăn miền núi phía Bắc thời kỳ 2001-2005	1(X); 4(X); 8(X); 9(X); 14(X)	
129	Quyết định số 189/2001/QĐ-TTg ngày 12/12/2001 của Thủ tướng Chính phủ về việc hạng khu bảo tồn thiên nhiên Phong Nha - Kẻ Bàng thành vườn quốc gia Phong Nha-Kẻ Bàng.	2(4,5); 4(2); 10(1-3)	CB 2002/ 02/ 0126
130	Quyết định số 199/2001/QĐ-TTg ngày 28/12/2001 của Thủ tướng Chính phủ về việc miễn giảm tiền sử dụng đất nông nghiệp	1(1); 8(1); 14(1); 20(1); 22(1); 24(1)	CB 2002/04/0230
131	Quyết định số 10/2002/QĐ-TTg ngày 14/01/2002 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt kế quả kết quả chương trình điều tra đánh giá và theo dõi diễn biến tài nguyên rừng toàn quốc thời kỳ 1996 - 2000 và triển khai thực hiện tiếp tục chương trình thời kỳ 2001 - 2005.	2(5); 3(3); 4(4); 7(1,2)	CB 2002/ 9+10/ 0592

TT	Số hiệu và tên văn bản	Nội dung điều chỉnh	Nguồn thông tin
132	Quyết định số 11/2002/QĐ-TTg ngày 14/01/2002 của Thủ tướng Chính phủ về việc chuyển hạng khu bảo tồn thiên nhiên U Minh Thượng tỉnh Kiên Giang thành vườn quốc gia.	2(4,6); 3(5); 4(1); 10(1,2,3)	CB 2002/9+10/0594
133	Quyết định số 12/2002/QĐ-TTg ngày 14/01/2002 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập khu rừng văn hoá lịch sử Chàng Riệc, huyện Tân Biên tỉnh Tây Ninh.	2(4,6); 3(5); 4(1); 10(1,2)	CB 2002/9+10/ 0596
134	Quyết định số 13/2002/QĐ-TTg ngày 04/01/2002 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập khu bảo tồn thiên nhiên đất ngập nước Lung Ngọc Hoàng tỉnh Cần Thơ.	2(4,6); 3(5); 4(1); 10(1,2)	CB 2002/9+10/0598
135	Quyết định số 39/2002/QĐ-TTg ngày 18/3/2002 của Thủ tướng Chính phủ về việc mở rộng vườn quốc gia Yok Đôn tỉnh Đắk Lắk.	2(4,5); 4(1); 10(1,2)	CB 2002/20/1294
136	Quyết định số 66/2002/QĐ-TTg ngày 27/5/2002 của Thủ tướng Chính phủ về chế độ trợ cấp đối với cán bộ, công chức kiểm lâm công tác trên địa bàn xã.	2(5); 9(1)	CB 2002/ 29/ 1886
137	Quyết định số 82/2002/QĐ-TTg ngày 26/6/2002 của Thủ tướng Chính phủ về thành lập tổ chức và hoạt động của quỹ bảo vệ môi trường Việt Nam	1(1); 2(2); 3(7); 29(3-6)	CB 2002/35/2289
138	Quyết định số 89/2002/QĐ-TTg ngày 12/7/2002 của Thủ tướng Chính phủ về thành lập khu rừng quốc gia Đền Hùng và xây dựng dự án đầu tư khu rừng quốc gia Đền	2(4,5); 3(2); 4(3); 10(1)	CB 2002/ 38/ 2510



TT	Số hiệu và tên văn bản	Nội dung điều chỉnh	Nguồn thông tin
	Hùng tỉnh Phú Thọ.		
139	Quyết định số 90/2002/QĐ-TTg ngày 12/7/2002 của Thủ tướng Chính phủ về việc chuyển hạng khu bảo tồn thiên nhiên Hoàng Liên Sa Pa thành vườn quốc gia Hoàng Liên tỉnh Lào Cai.	2(4); 3(2,3); 4(1); 10(1)	CB 2002/ 38/ 2512
140	Quyết định số 91/2002/QĐ-TTg ngày 12/7/2002 của Thủ tướng Chính phủ về việc chuyển khu bảo tồn thiên nhiên Lò Giò - Xa Mát thành vườn quốc gia Lò Giò - Xa Mát tỉnh Tây Ninh.	2(4); 3(2,3); 4(1); 10(1)	CB 2002/ 38/ 2513
141	Quyết định số 92/2002/QĐ-TTg ngày 12/7/2002 của Thủ tướng Chính phủ về việc khu bảo tồn thiên nhiên Chư Yang Sin thành Vườn quốc gia Chư - Yang Sin tỉnh Đắk Lắk.	2(3); 3(1); 4(1); 10(1)	CB 2002/ 38/ 2515
142	Quyết định số 571/QĐ-TTg ngày 12/7/2002 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt dự án khả thi đầu tư xây dựng Vườn quốc Pù Mát, tỉnh Nghệ An.	24(1)	CB 2002/ 39/ 2556
143	Quyết định số 102/2002/QĐ-TTg ngày 30/7/2002 của Thủ tướng Chính phủ về việc chuyển khu bảo tồn thiên nhiên Vũ Quang thành Vườn quốc gia Vũ Quang, tỉnh Hà Tĩnh.	2(4); 3(3); 4(2); 10(1)	CB 2002/ 42/ 2751

TT	Số hiệu và tên văn bản	Nội dung điều chỉnh	Nguồn thông tin
144	Quyết định số 103/2002/QĐ-TTg ngày 30/7/2002 của Thủ tướng Chính phủ về việc chuyển khu bảo tồn thiên nhiên Chư Mom Ray thành Vườn quốc gia Chư Mom Ray tỉnh Kon Tum.	2(4); 3(3); 4(2); 10(1)	CB 2002/ 42/ 2752
145	Quyết định số 125/2002/QĐ-TTg ngày 26/9/2002 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập khu bảo tồn thiên nhiên Phước Bình, tỉnh Ninh Thuận	2(3); 3(2); 4(2); 10(1)	CB 2002/ 51/ 3368
146	Quyết định số 868/QĐ-TTg, ngày 01/10/2002 của Thủ tướng Chính phủ Về việc phê duyệt dự án đầu Nhà máy sản xuất giấy và bột giấy Thanh Hoá.	2(5); 3(3); 4(1); 18(1); 19(1); 24(2)	
147	Quyết định số 132/2002/QĐ-TTg ngày 08/10/2002 của Thủ tướng Chính phủ về việc giải quyết đất sản xuất và đất ở cho đồng bào dân tộc thiểu số tại chỗ ở Tây Nguyên.	1(1); 2(7,9); 21(2); 22(2)	CB 2002/ 55/ 3629
148	Quyết định số 155/2002/QĐ-TTg ngày 12/11/2002 của Thủ tướng Chính phủ Về việc điều chỉnh ranh giới Vườn quốc gia Tam Đảo	2(3); 7(2); 10(1)	CB2002/ 61/4073
149	Quyết định số 167/2002/QĐ-TTg ngày 25/11/2002 của Thủ tướng Chính phủ về việc chuyển khu bảo tồn thiên nhiên Kon Ka Kinh thành Vườn quốc gia Kon Ka Kinh, tỉnh Gia Lai.	2(2,4); 3(3); 4(1); 10(1)	CB 2002/ 64/ 4235
150	Quyết định số 170/2002/QĐ-TTg ngày 27/11/2002 của Thủ tướng Chính phủ về việc chuyển khu bảo tồn thiên nhiên Bù Gia Mập thành Vườn quốc gia Bù Gia	2(4); 3(3); 4(1,2); 10(1)	CB 2002/ 64/ 4239

TT	Số hiệu và tên văn bản	Nội dung điều chỉnh	Nguồn thông tin
	Mật tỉnh Bình Phước.		
151	Quyết định số 1154/QĐ-TTg, ngày 03/12/2002 của Thủ tướng Chính phủ Về việc Công ty du lịch Bình Thuận thuê môi trường rừng đặc dụng để thực hiện hiện Dự án cáp treo và khu du lịch núi Tà Cú.	4(x); 10(1)	
152	Quyết định số 1157/QĐ-TTg ngày 04/12/2002 của Thủ tướng Chính phủ thành lập Ban chỉ đạo Trung ương phòng cháy, chữa cháy rừng.	3(x)	CB 2002/ 65/ 4328
153	Quyết định số 136/2001/QĐ-TTg ngày 17/9/2001 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2001-2010	30(x)	Bản chụp
154	Quyết định số 80/2002/QĐ-TTg ngày 24/6/2002 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách khuyến khích tiêu thụ nông sản hàng hoá thông qua hợp đồng	1(x)	Sách LN 2003, Tập II, tr 249
155	Quyết định số 51/QĐ-TTg ngày 17/4/2002 của Thủ tướng Chính phủ về việc chuyển Vườn quốc gia Ba Bể thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về UBND tỉnh Bắc Kạn quản lý.		Bản chụp
156	Quyết định số 333/QĐ-TTg ngày 6/4/2004 của Thủ tướng Chính phủ về việc chuyển Vườn quốc gia Cát Bà thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về thành phố Hải Phòng quản lý.		Bản chụp

TT	Số hiệu và tên văn bản	Nội dung điều chỉnh	Nguồn thông tin
157	Quyết định số 192/2003/QĐ-TTg ngày 17/9/2003 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chiến lược quản lý hệ thống Khu bảo tồn thiên nhiên Việt Nam đến năm 2010.	2(x); 3(x); 23(X); 29(x); 31(x)	Sách LN 2003, Tập II, tr 258
<b>Chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ</b>			
158	Chỉ thị số 106-CT ngày 10/4/1991 của Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng Về công tác trồng rừng đối với trường học.		CB 1991/10/0262
159	Chỉ thị số 201-CT ngày 08/6/1992 của Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng Về việc quân đội tham gia quản lý, bảo vệ rừng, phát triển rừng.	2(6); 4(2); 9(4); 14(3); 22(1); 23(1,5)	CB 1992/12/0295
160	Chỉ thị số 130/TTg ngày 27/3/1993 của Thủ tướng Chính phủ Về việc quản lý và bảo vệ động vật và thực vật quý hiếm.	22(1); 23(1)	CB 1993/10/0234
161	Chỉ thị số 283/TTg ngày 14/6/1993 của Thủ tướng Chính phủ Về việc thực hiện các biện pháp cấp bách để quản lý gỗ quý, hiếm.	2(1,3); 13(1)	CB 1992/ 16/ 0400
162	Chỉ thị số 462/TTg ngày 11/9/1993 của Thủ tướng Chính phủ Về việc quản lý chặt chẽ việc khai thác, vận chuyển và xuất khẩu gỗ.	2(x); 9(x); 20(x)	CB 1993/ 19/ 0460
163	Chỉ thị số 660/TTg ngày 17/10/1995 của Thủ tướng Chính phủ về việc giải quyết tình trạng di cư tự do đến Tây nguyên và một số tỉnh khác.	18(x); 20(x)	CB 1996/ 02/ 0078

TT	Số hiệu và tên văn bản	Nội dung điều chỉnh	Nguồn thông tin
164	Chỉ thị số 12/TTg ngày 06/01/1996 của Thủ tướng Chính phủ về việc thực hiện nghiêm túc Quyết định số 432/TTg ngày 07/8/1995 để bảo vệ, phát triển rừng ngập mặn và vùng bãi bồi huyện Ngọc Hiển, tỉnh Minh Hải.	10(x)	CB 1996/ 08/ 0327
165	Chỉ thị số 359/TTg ngày 29/5/1996 của Thủ tướng Chính phủ Về những biện pháp cấp bách để bảo vệ và phát triển các loài động vật hoang dã.	13(x); 20(x)	CB 1996/18/0765
166	Chỉ thị số 286/TTg ngày 02/5/1997 của Thủ tướng Chính phủ Về việc tăng cường các biện pháp cấp bách để bảo vệ và phát triển rừng.	9(x); 23(x); 32(x)	CB 1997/12/0803
167	Chỉ thị số 287/TTg ngày 02/5/1997 của Thủ tướng Chính phủ Về việc kiểm tra, truy quét những cá nhân và tổ chức phá hoại rừng.	9(x); 24(x); 27(x); 32(x)	Sách LN 2000
168	Chỉ thị số 9/1998/CT-TTg ngày 18/2/1998 của Thủ tướng Chính phủ về các biện pháp cấp bách diệt chuột bảo vệ mùa màng	13(x)	CB 1998/9/421
169	Chỉ thị số 19/1998/CT-TTg ngày 17/4/1998 của Thủ tướng Chính phủ về các biện pháp cấp bách phòng và chữa cháy rừng	16(x); 28(x)	CB 1998/15/0974
170	Chỉ thị số 21/1998/CT-TTg ngày 24/4/1998 của thủ tướng Chính phủ về chấm dứt việc tùy tiện dùng phương tiện giao thông để kiểm tra, kiểm soát	9(x); 28(x)	

<b>TT</b>	<b>Số hiệu và tên văn bản</b>	<b>Nội dung điều chỉnh</b>	<b>Nguồn thông tin</b>
171	Chỉ thị số 19/1999/CT-TTg ngày 16/7/1999 của Thủ tướng Chính phủ Về việc thực hiện các biện pháp đẩy mạnh tiêu thụ gỗ rừng trồng.	30(x)	CB 1999/31/2059
172	Chỉ thị số 25/2000/CT-TTg ngày 06/12/2000 của Thủ tướng Chính phủ Về việc sử dụng súng của lực lượng kiểm lâm và các lực lượng kiểm tra, kiểm soát chống buôn lậu, gian lận thương mại trong khi thi hành công vụ.	3(x); 32(x)	CB 2001/01/0022
173	Chỉ thị số 30/2001/CT-TTg ngày 04/12/2001 của Thủ tướng Chính phủ Về việc tăng cường các biện pháp chống chặt phá rừng tại các địa phương có đường Hồ Chí Minh đi qua.	24(x)	CB 2002/01/0006
174	Chỉ thị số 21/2002/CT-TTg ngày 12/12/2002 của Thủ tướng Chính phủ Về việc tăng cường thực hiện công tác phòng cháy, chữa cháy rừng.	16(x)	CB 2003/ 01/0003
175	Chỉ thị số 12/2003/CT-TTg ngày 16/5/2003 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường các biện pháp cấp bách để bảo vệ và phát triển rừng	9(x); 23(x); 32(x)	Sách LN Tập II, tr 279
<b>THÔNG TƯ LIÊN TỊCH GIỮA CÁC BỘ, NGÀNH</b>			
176	Thông tư liên Bộ số 16-TT/LB ngày 13/6/1983 của Bộ Lâm nghiệp, Bộ Giao thông vận tải về việc đẩy mạnh trồng cây và quản lý cây hai bên đường giao thông.	3(x); 8(x); 14(x); 17(x)	Sách LN Tập II, tr 132

TT	Số hiệu và tên văn bản	Nội dung điều chỉnh	Nguồn thông tin
177	Thông tư liên Bộ ngày 08/7/1989 của Bộ Lâm nghiệp, Bộ Quốc phòng về tổ chức cho lực lượng quân đội tham gia làm nghề rừng.	3(x); 8(x); 9(x); 14(x); 17(x); 24(x); 26(x)	Sách LN Tập II, tr 120
178	Thông tư liên Bộ số 09-TTLB/LN-NV ngày 21/9/1993 của Bộ Lâm nghiệp, Bộ Nội vụ về việc tổ chức lực lượng công an tham gia công tác lâm nghiệp.	3(x); 8(x); 9(x); 14(x); 24(x)	Sách LN Tập II, tr 156
179	Thông tư liên Bộ số 74/TT-LB ngày 13/10/1995 của Bộ Tài chính-Bộ Lâm nghiệp hướng dẫn sử dụng, quản lý cấp phát và quyết toán kinh phí giao đất lâm nghiệp cho tổ chức, hộ gia đình, cá nhân sử dụng ổn định lâu dài vào mục đích lâm nghiệp.	2(x); 8(x); 9(x); 10(x); 11(x); 24(x)	LN 2000, tr 508
180	Thông tư liên Bộ số 06/TT-LB ngày 22/01/1996 của Bộ Tài chính-Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn lập kế hoạch, cấp phát, quản lý và quyết toán kinh phí cho công tác phòng cháy, chữa cháy rừng.	2(x); 16(x); 24(x)	LN 2000, tr 515
181	Thông tư liên tịch số 28/1999/TT-LT ngày 03/02/1999 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Quyết định số 661/QĐ-TTg ngày 29/7/1998 của Thủ tướng Chính phủ về mục tiêu, nhiệm vụ, chính sách và tổ chức thực hiện Dự án trồng mới 5 triệu ha rừng.	2(x); 4(x); 8(x); 24(x)	LN 2000, tr 387

TT	Số hiệu và tên văn bản	Nội dung điều chỉnh	Nguồn thông tin
182	Thông tư liên tịch số 21/1999/TTLT-BTM-BCA-BGTVT-TCHQ ngày 23/6/1999 hướng dẫn tổ chức phối hợp trong công tác đấu tranh chống vận chuyển hàng lậu trên các tuyến đường sắt	9(x); 28(x)	CB 1999/32/2098
183	Thông tư liên tịch số 102/1999/TTLT-BTC □ BNN & PTNT ngày 21/8/1999 của Bộ Tài chính và Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn việc trích lập, quản lý và sử dụng Quỹ chống chặt, phá rừng và sản xuất, kinh doanh, vận chuyển lâm sản trái phép	2(x); 17(x); 18(x); 20(x); 24(x); 27(x)	LN 2000, tr 570
184	Thông tư liên tịch số 1442/1999/TTLT-BTC-TCĐC ngày 21/9/1999 của Bộ Tài chính và Tổng cục Địa chính hướng dẫn cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo Chỉ thị số 18/1999/CT-TTg, ngày 01/7/1999 của Thủ tướng Chính phủ.	2(x); 8(x)	LN 2000, tr 150
185	Thông tư liên tịch số 02/2001/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BCA-BTP ngày 25/4/2001 hướng dẫn áp dụng một số quy định tại Chương XIV "các tội xâm phạm sở hữu" của Bộ luật Hình sự năm 1999	28(x)	VBQPPL về QLBR (2003) trang 682
186	Thông tư liên tịch số 62/2000/TTLT-BNN-BTC ngày 06/6/2000 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Tổng cục Địa chính hướng dẫn việc giao đất, cho thuê đất và cấp giấy chứng	2(x); 8(x); 9(x); 10(x); 11(x)	CB 2000/27/1796



TT	Số hiệu và tên văn bản	Nội dung điều chỉnh	Nguồn thông tin
	nhận quyền sử dụng đất lâm nghiệp.		
187	Thông tư liên tịch số 69/2000/TTLT-BNN- TCTK ngày 23/6/2000 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Tổng cục Thống kê hướng dẫn tiêu chí để xác định kinh tế trang trại.	2(x); 12(x); 24(x)	CB 2000/29/1940
188	Thông tư liên tịch số 109/2000/TTLT-BNN-BTC, ngày 20/10/2000 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Quyết định số 187/1999/QĐ-TTg ngày 16/9/1999 của Thủ tướng Chính phủ về đổi mới tổ chức và cơ chế quản lý lâm trường quốc doanh.	2(x); 3(x); 7(x); 24(x); 25(x)	CB 2000/45/2996
189	Thông tư liên tịch số 11/2002/TTLT-BNV-BTC-BNN&PTNT ngày 25/10/2002 của Bộ Nội vụ, Bộ Tài chính, Bộ Nông nghiệp & Phát triển nông thôn hướng dẫn thực hiện Quyết định số 66/2002/QĐ-TTg ngày 27/5/2002 của Thủ tướng Chính phủ về chế độ trợ cấp đối với cán bộ, công chức kiểm lâm công tác trên địa bàn xã.	2(x); 3(x); 24(x)	CB 2002/60/3999

TT	Số hiệu và tên văn bản	Nội dung điều chỉnh	Nguồn thông tin
190	Thông tư liên tịch số 101/2001/TTLT-BTC-BNNPTNT ngày 20/12/2001 của Bộ Tài chính và Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn chế độ quản lý tài chính đối với kinh phí ngân sách nhà nước đầu tư cho Chương trình giống cây trồng, vật nuôi và giống cây lâm nghiệp	2(x); 14(x); 24(x); 26(x)	CB 2002/04/0260
191	Thông tư liên tịch số 144/2002/TTLT-BCA-BQP-BNN&PTNT ngày 13/12/2002 của Bộ Công An, Bộ Quốc phòng, Bộ Nông nghiệp & Phát triển nông thôn hướng dẫn việc phối hợp giữa các lực lượng Kiểm lâm, Công an, Quân đội trong công tác bảo vệ rừng.	2(x); 3(x); 9(x); 10(x); 11(x); 13(x); 16(x); 27(x)	CB 2003/7/0381
192	Thông tư liên tịch số 147/2002/TTLT-BNN-BLĐTBXH ngày 27/12/2002 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội hướng dẫn một số điểm về việc xác nhận thương binh hoặc liệt sĩ đối với lực lượng Kiểm lâm bị thương hoặc hy sinh trong khi làm nhiệm vụ bảo vệ rừng.		CB 2003/11/0671
193	Thông tư liên bộ số 80/2003/TTLT-BNN-BTC ngày 3/9/2003 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Quyết định số 178/2001/QĐ-TTg ngày 12/11/2001 của Thủ tướng Chính phủ về quyền hưởng lợi, nghĩa vụ của hộ gia đình, cá nhân được giao, được	2(x); 8(x)	Sách LN 2003, tập II, tr 593

TT	Số hiệu và tên văn bản	Nội dung điều chỉnh	Nguồn thông tin
	thuê, nhận khoán rừng và đất lâm nghiệp		
194	Thông tư liên bộ số 11/2004/TTLT-BNN-BNV ngày 2/4/2004 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Nội vụ hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức bộ máy cơ quan chuyên môn giúp Ủy ban nhân dân quản lý nhà nước về nông nghiệp và phát triển nông thôn	2(x); 3(x)	Bản chụp
<b>NGHỊ QUYẾT LIÊN TỊCH GIỮA CÁC BỘ VÀ TỔ CHỨC, ĐOÀN THỂ</b>			
195	Nghị quyết liên tịch số 03 ngày 20/6/1985 của Bộ Lâm nghiệp, Trung ương Đoàn TNCS Hồ Chí Minh về việc tổ chức và động viên tuổi trẻ xung kích đẩy mạnh trồng cây, gây rừng, bảo vệ rừng và phát triển kinh tế lâm nghiệp.	3(x); 8(x); 9(x); 14(x); 22(x); 24(x)	Sách LN Tập II tr 140
196	Nghị quyết liên tịch số 01/1999/NQLT-TP- VHTT-NN&PTNT-DTMN-ND, ngày 07/9/1999 của Bộ Tư pháp, Bộ Văn hoá thông tin, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ủy ban dân tộc và Miền núi, Hội Nông dân Việt Nam về việc phối hợp phổ biến, giáo dục pháp luật cho cán bộ, nhân dân ở nông thôn, vùng sâu, vùng	2(x); 22(x); 23(x); 32(tuyên truyền giáo dục pháp luật)	CB 1999/ 42/ 2732

TT	Số hiệu và tên văn bản	Nội dung điều chỉnh	Nguồn thông tin
	xa, vùng dân tộc ít người.		
<b>QUYẾT ĐỊNH CỦA BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN</b>			
197	Quyết định số 2198-CNR ngày 26/11/1977 của Bộ trưởng Bộ Lâm nghiệp Ban hành bảng phân loại tạm thời các loại gỗ sử dụng thống nhất trong cả nước.	2(x); 17(x); 18(x); 20(x); 24(x)	Sách LN 2000 tr 409
198	Quyết định số 682B/QDKT ngày 1/8/1984 của Bộ trưởng Bộ Lâm nghiệp ban hành Quy phạm thiết kế kinh doanh rừng (QPN 6-84)	6(x); 7(x); 14(x); 15(x); 17(x); 20(x)	
199	Quyết định số 334-CNR ngày 10/5/1988 của Bộ trưởng Bộ Lâm nghiệp Điều chỉnh việc xếp hạng một số loại gỗ sử dụng trong bảng phân loại 8 nhóm.	2(x); 17(x); 18(x); 20(x); 24(x)	Sách LN 2000 tr 410
200	Quyết định số 98 QĐ/KL ngày 15/3/1991, của Bộ trưởng Bộ Lâm nghiệp Ban hành quy chế quản lý, bảo vệ rừng vùng nguyên liệu công nghiệp.	2(x); 9(x); 17(x); 20(x); 24(x)	Sách LN Tập I
201	Quyết định số 538 QĐ/KL ngày 13/7/1993, của Bộ trưởng Bộ Lâm nghiệp Bổ sung, sửa đổi quy chế quản lý, bảo vệ rừng vùng nguyên liệu công nghiệp.	2(x); 9(x); 17(x); 20(x); 24(x)	Sách LN 2000 Tr 210

TT	Số hiệu và tên văn bản	Nội dung điều chỉnh	Nguồn thông tin
202	Quyết định số 362/QĐ ngày 9/6/1995 của Bộ trưởng Bộ Lâm nghiệp về việc chuyển giao Lâm trường đặc sản Lai Châu thuộc Tổng công ty Dịch vụ, sản xuất, xuất nhập khẩu lâm sản I cho Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu quản lý	2(x); 20(x)	
203	Quyết định số 418/QĐ ngày 24/6/1995 của Bộ trưởng Bộ Lâm nghiệp về nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy Trường công nhân kỹ thuật lâm nghiệp IV	2(x); 23(x)	
204	Quyết định số 673/VP ngày 7/10/1995 của Bộ trưởng Bộ Lâm nghiệp về việc bãi bỏ các văn bản cũ	2(x)	
205	Quyết định số 166/NN-TCCB/QĐ ngày 4/12/1995 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc chuyển giao Liên hiệp các xí nghiệp nguyên liệu giấy Vĩnh Phú cho Tổng công ty Giấy Việt Nam	2(x); 14(x)	
206	Quyết định số 404/NN-TCCB/QĐ ngày 30/12/1995 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc chuyển Trung tâm nghiên cứu lâm nghiệp Phù Ninh sang trực thuộc Công ty Giống và Phục vụ trồng rừng	2(x); 14(x); 26(x)	

TT	Số hiệu và tên văn bản	Nội dung điều chỉnh	Nguồn thông tin
207	Quyết định của Bộ trưởng số 75 NN-TCCB/QĐ, ngày 23 tháng 1 năm 1996 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc sáp nhập Xí nghiệp cầu đường Lâm nghiệp Đông bắc, Công ty lắp máy và xây dựng và Công ty xây lắp công trình Lâm nghiệp I thành Công ty xây lắp công trình Lâm nghiệp.	3(x); 17(x); 20(x); 25(x)	
208	Quyết định số 76 NN-TCCB/QĐ, ngày 23 tháng 1 năm 1996 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc sáp nhập Công ty dịch vụ và vật tư Lâm nghiệp, Công ty kinh doanh cơ khí Lâm nghiệp Đà Nẵng và Công ty sản xuất và xuất nhập khẩu Lâm sản Đà Nẵng thành Công ty sản xuất và xuất nhập khẩu Lâm sản Đà Nẵng	3(x); 20(x); 25(x)	
209	Quyết định số 344/NN-TCCB/QĐ, ngày 26 tháng 3 năm 1996 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn về việc Sáp nhập Xí nghiệp xây dựng công trình lâm nghiệp và Công ty xây lắp công trình lâm nghiệp 2 thành Công ty xây lắp công trình Tây Nguyên.	3(x); 20(x); 25(x)	
210	Quyết định Số 374 NN-PTLN/QĐ, ngày 30 tháng 03 năm 1996 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn V/v Ban hành quy định tạm thời về nhập khẩu gỗ nguyên liệu	1(x); 20(x)	

TT	Số hiệu và tên văn bản	Nội dung điều chỉnh	Nguồn thông tin
211	Quyết định số 396 NN-TCCB/QĐ, ngày 06 tháng 04 năm 1996 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc Chuyển giao Trung tâm nghiên cứu lâm nghiệp Phù Ninh sang Tổng công ty giấy Việt Nam	3(x)	
212	Quyết định số 503 NN-TCCB/QĐ, ngày 26 tháng 04 năm 1996 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc tổ chức lại Công ty du lịch lâm nghiệp thành Công ty du lịch lâm nghiệp và dịch vụ trực thuộc Tổng công ty lâm sản Việt Nam.	3(x); 20(x); 25(x)	
213	Quyết định số 601 NN-TCCB/QĐ, ngày 15 tháng 5 năm 1996 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn về việc Thành lập Vườn quốc gia Tam Đảo trực thuộc Bộ	3(x); 10(x); 26(x); 28(x)	
214	Quyết định Số 642 NN-TCCB/QĐ ngày 21 tháng 5 năm 1996. của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc : □Quy mô và ngành nghề đào tạo của Trường Công nhân kỹ thuật chế biến gỗ Trung ương.□	3(x); 23(x)	
215	Quyết định số 1791 NN-TCCB/QĐ ngày 24 tháng 10 năm 1996 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc tổ chức sắp xếp lại Xí nghiệp thiết kế công trình lâm nghiệp và trung tâm kỹ thuật cơ khí lâm nghiệp thành Công ty Công nghệ thiết kế và chế	3(x); 20(x); 25(x)	

TT	Số hiệu và tên văn bản	Nội dung điều chỉnh	Nguồn thông tin
	biến lâm sản trực thuộc Tổng công ty lâm sản Việt Nam.		
216	Quyết định số 1926/NN-TCCB/QĐ ngày 11 tháng 11 năm 1996 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc thành lập hạt kiểm lâm thuộc Vườn Quốc gia Tam Đảo.	3(x); 10(x); 28(x)	
217	Quyết định số 0019NN-BQL/QĐ, ngày 9 tháng 1 năm 1997 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn về việc ban hành Quy chế quản lý thực hiện dự án PAM - 5322 "Phát triển Lâm nghiệp hộ gia đình" tại 5 tỉnh Bắc Cạn, Cao Bằng, Lạng Sơn, Bắc Giang và Quảng Ninh	1(x); 4(x); 8(x); 22(x); 24(x); 29(x)	
218	Quyết định số 29NN-KHCN/QĐ, ngày 11 tháng 1 năm 1997 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc công nhận rừng giống chuyển hoá: Bồ đề (Styrax tonkinensis), keo Tai tượng (A.mangium) Bạch đàn (E.urophylla).	4(x); 14(x)	



TT	Số hiệu và tên văn bản	Nội dung điều chỉnh	Nguồn thông tin
219	Quyết định số 392/NN-CBNLS/QĐ, ngày 19 tháng 03 năm 1997 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc sửa đổi bổ sung qui chế về việc xét duyệt qui hoạch mạng lưới và cấp giấy phép chế biến gỗ, lâm sản khác cho các doanh nghiệp	1(x); 2(x); 4(x); 18(x); 20(x)	
220	Quyết định số 339/NN-PTLN/QĐ ngày 21 tháng 3 năm 1997 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc ban hành qui phạm kỹ thuật trồng, khai thác và tái sinh chồi bạch đàn trên đất phèn ở miền Tây Nam Bộ	9(X); 14(x); 26(X)	
221	Quyết định số 401/NN-TCCB/QĐ, ngày 21 tháng 03 năm 1997 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc sáp nhập nhà máy cơ khí Lâm nghiệp Qui Nhơn vào công ty Lâm nghiệp 19 thuộc Tổng công ty Lâm sản Việt Nam	3(x); 20(x); 24(x); 25(x)	
222	Quyết định số 402/NN-KT-QĐ ngày 21/3/1997 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành hệ thống biểu mẫu về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý rừng, bảo vệ rừng và quản lý lâm sản.	2(x); 27(x)	Sách LN 2000 tr 49
223	Quyết định số 484/NN-TCCB/QĐ, ngày 1 tháng 4 năm 1997 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc thành lập Trung tâm cứu hộ các loài	3(x); 9(x); 10(x); 28(x)	

TT	Số hiệu và tên văn bản	Nội dung điều chỉnh	Nguồn thông tin
	linh trưởng quý hiếm thuộc vườn quốc gia Cúc Phương		
224	Quyết định số 694 NN-TCCB/QĐ, ngày 28 tháng 04 năm 1997 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc qui định chức năng, nhiệm vụ tổ chức Bộ máy của Vườn quốc gia Cát Bà	2(x); 3(x); 10(x); 28(x)	
225	Quyết định số 964 NN-TCCB/QĐ, ngày 21 tháng 05 năm 1997 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn về việc thành lập Trung tâm liên ngành viễn thám và GIS	3(x); 7(x)	
226	Quyết định số 1003/NN-TCCB/QĐ, ngày 24 tháng 5 năm 1997 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về tổ chức bộ máy của Vườn Quốc gia YOKDON	4(x); 10(x); 26(x); 28(x)	
227	Quyết định số 1251NN-BQL/QĐ, ngày 10 tháng 6 năm 1997 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Về Ban hành Quy chế bán đấu thầu 2.238,75 tấn bột mỳ Đan Mạch của Dự án PAM 4304	30(x)	
228	Quyết định số 1530NN-BQL/QĐ, ngày 30 tháng 6 năm 1997 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn Về Ban hành Quy chế bán đấu thầu 2.847,34 tấn bột mỳ Đan Mạch của dự án PAM 4304	30(x)	

TT	Số hiệu và tên văn bản	Nội dung điều chỉnh	Nguồn thông tin
229	Quyết định số 1707/NN-TCCB/QĐ, ngày 18 tháng 7 năm 1997 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn Về chức năng, nhiệm vụ và tổ chức bộ máy của Vườn Quốc gia Ba Vì	3(X); 10(X); 26(X); 28(X)	
230	Quyết định số 1800/NN-TCCB/QĐ, ngày 28 tháng 7 năm 1997 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc tổ chức lại Công ty Giống và phục vụ trồng rừng thành Công ty Giống lâm nghiệp Trung ương và chuyển Công ty sang hoạt động công ích.	3(X); 14(X); 20(X)	
231	Quyết định số 1847 NN-TCCB/QĐ, ngày 31 tháng 07 năm 1997 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc tiếp nhận Công ty Sản xuất kinh doanh lâm đặc sản và dịch vụ xuất nhập khẩu Hà Tĩnh, chuyển sang trực thuộc Tổng công ty lâm sản Việt Nam	3(X); 20(X)	
232	Quyết định số 1989/NN-TCCB/QĐ ngày 13 tháng 08 năm 1997 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc ban hành danh mục Phụ cấp nặng nhọc, độc hại nguy hiểm (cho VQG Bến En)	1(x); 21(x)	
233	Quyết định số 1989/NN-TCCB/QĐ ngày 13 tháng 08 năm 1997 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc ban hành danh mục Phụ cấp nặng nhọc, độc hại	1(x); 10(X); 21(x); 28(X)	

TT	Số hiệu và tên văn bản	Nội dung điều chỉnh	Nguồn thông tin
	nguy hiểm (cho VQG Cát Bà)		
234	Quyết định số 1991/NN-TCCB/QĐ ngày 13 tháng 08 năm 1997 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc ban hành danh mục Phụ cấp nặng nhọc, độc hại nguy hiểm (cho VQG YokDon)	1(x); 10(X); 21(x); 28(X)	
235	Quyết định số 1993/NN-TCCB/QĐ ngày 13 tháng 08 năm 1997 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc ban hành danh mục Phụ cấp nặng nhọc, độc hại nguy hiểm (cho VQG Ba Vì)	1(x); 10(X); 21(x); 28(X)	
236	Quyết định số 1994/NN-TCCB/QĐ ngày 13 tháng 08 năm 1997 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc ban hành danh mục Phụ cấp nặng nhọc, độc hại nguy hiểm (cho VQG Bạch Mã)	1(x); 10(X); 21(x); 28(X)	
237	Quyết định số 1995/NN-TCCB/QĐ ngày 13 tháng 08 năm 1997 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc ban hành danh mục Phụ cấp nặng nhọc, độc hại nguy hiểm (cho VQG Cúc Phương)	1(x); 10(X); 21(x); 28(X)	

TT	Số hiệu và tên văn bản	Nội dung điều chỉnh	Nguồn thông tin
238	Quyết định số 1996/NN-TCCB/QĐ ngày 13 tháng 08 năm 1997 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc ban hành danh mục Phụ cấp nặng nhọc, độc hại nguy hiểm (cho VQG Viện Điều tra quy hoạch rừng)	1(x); 7(X); 10(X); 21(x); 28(X)	
239	Quyết định số 1997/NN-TCCB/QĐ ngày 13 tháng 08 năm 1997 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc ban hành danh mục Phụ cấp nặng nhọc, độc hại nguy hiểm (cho VQG lực lượng Kiểm lâm)	1(x); 10(X); 21(x); 28(X)	
240	Quyết định số 2010/NN-TCCB/QĐ ngày 15 tháng 08 năm 1997 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc ban hành định mức lao động điều tra đánh giá và theo dõi biến diễn tài nguyên rừng toàn quốc	4(X); 7(X); 21(X)	
241	Quyết định số 2057/NN-TCCB/QĐ ngày 21 tháng 8 năm 1997 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc tổ chức lại Ban quản lý dự án viện trợ Lâm nghiệp	3(X); 4(X)	
242	Quyết định số 2078/NN-TCCB/QĐ ngày 25 tháng 8 năm 1997 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc mở ngành học Lâm nghiệp xã hội tại trường Đại học Lâm nghiệp		

TT	Số hiệu và tên văn bản	Nội dung điều chỉnh	Nguồn thông tin
243	Quyết định số 3013/QĐ-BNN/KL ngày 20/11/1997 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Quy chế xác định ranh giới và cắm mốc các loại rừng	2(x); 8(x); 9(x); 10(x); 11(x)	
244	Quyết định số 38/1998/QĐ-BNN/TCCB, ngày 25 tháng 2 năm 1998 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn V/v thành lập Trung tâm sản xuất dịch vụ kỹ thuật lâm nông nghiệp trực thuộc trường công nhân kỹ thuật lâm nghiệp TƯ 2	3(x); 23(x)	
245	Quyết định số 79/1998/QĐ-BNN/TCCB, ngày 4 tháng 6 năm 1998 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc thành lập Trung tâm Tư vấn khoa học kỹ thuật và dịch vụ lâm nghiệp trực thuộc Viện Khoa học lâm nghiệp Việt Nam	3(x); 26(x)	
246	Quyết định số 81/1998/QĐ-BNN/TCCB, ngày 5 tháng 6 năm 1998 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc thành lập Trung tâm sản xuất dịch vụ khoa học kỹ thuật nông nghiệp trực thuộc Trường Trung học lâm nghiệp Tây Nguyên	3(x); 23(x)	
247	Quyết định số 82/1998/QĐ-BNN/TCCB, ngày 5 tháng 6 năm 1998 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc thành lập Trung tâm sản xuất dịch vụ Khoa học kỹ thuật lâm nông	3(x); 23(x)	

TT	Số hiệu và tên văn bản	Nội dung điều chỉnh	Nguồn thông tin
	ngiệp trực thuộc Trường Công nhân kỹ thuật lâm nghiệp 3		
248	Quyết định số 100 /1998/QĐ-BNN/TCCB, ngày 16 tháng 7 năm 1998 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc Sáp nhập Xí nghiệp ván dán và giấy vào Công ty Lâm sản Kon Hà Nừng	3(x); 18(x); 20(x)	
249	Quyết định số 109/1998/QĐ-BNN/TCCB, ngày 25 tháng 7 năm 1998 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc thành lập Trung tâm sản xuất dịch vụ khoa học kỹ thuật nông lâm nghiệp trực thuộc Trường công nhân kỹ thuật lâm nghiệp 1 Trung ương	3(x); 23(x)	
250	Quyết định số 115/1998/QĐ-BNN/TCCB, ngày 12 tháng 8 năm 1998 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc ban hành Quy chế điều hành thực hiện dự án bảo vệ tài nguyên thiên nhiên và tái tạo rừng vùng đầu nguồn sông Đà; Quy định chế độ tiền lương, phụ cấp kiêm nhiệm, phụ cấp hiện trường, định mức chi phí cho hoạt động dịch vụ phổ cập	2(x); 9(x); 11(x); 22(x); 23(x)	

TT	Số hiệu và tên văn bản	Nội dung điều chỉnh	Nguồn thông tin
251	Quyết định số 124-1998/QĐ-BNN/KHCN, ngày 31 tháng 8 năm 1998 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành tiêu chuẩn công nhận giống cây lâm nghiệp	2(x); 14(x); 26(x)	
252	Quyết định số 149/1998/BNN-TCCB ngày 06/10/1998 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc thành lập Ban điều hành dự án trồng mới 5 triệu ha rừng.	2(x); 3(x); 4(x); 8(x); 9(x); 10(x); 11(x); 14(x)	Sách LN 2000 tr344
253	Quyết định số 163/1998/QĐ-BNN/TCCB, ngày 14 tháng 10 năm 1998 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn về việc Đăng ký đặc cách một số thuốc bảo quản lâm sản hạn chế sử dụng ở Việt Nam	2(x); 18(x); 20(x)	
254	Quyết định số 165/1998/QĐ-BNN/TCCB, ngày 4 tháng 11 năm 1998 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc thành lập Văn phòng thường trực Ban điều hành Dự án trồng mới 5 triệu ha rừng.	2(x); 3(x); 4(x); 14(x)	
255	Quyết định số 175/1998/QĐ-BNN/KHCN ngày 4/11/1998 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Quy phạm phục hồi rừng bằng khoanh nuôi xúc tiến tái sinh kết hợp trồng bổ sung	1(x); 2(x); 4(x); 10(x); 11(x); 14(x); 24(x)	



TT	Số hiệu và tên văn bản	Nội dung điều chỉnh	Nguồn thông tin
256	Quyết định số 183/1998/QĐ-BNN/PTLN ngày 19/11/1998 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành quy chế về về chức năng, nhiệm vụ và chế độ làm việc của Ban điều hành Dự án Trung ương và Ban quản lý Dự án trồng mới 5 triệu ha rừng.	2(x); 3(x); 4(x)	Sách LN 2000 tr 375
257	Quyết định số 184/1998/QĐ-BNN/TCCB, ngày 23 tháng 11 năm 1998 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc ban hành qui chế tổ chức và hoạt động của Trung tâm sản xuất và dịch vụ khoa học kỹ thuật lâm nông nghiệp trực thuộc Trường công nhân kỹ thuật Lâm nghiệp I TW	3(x); 23(x)	
258	Quyết định số 200/1998/QĐ-BNN/TCCB, ngày 7 tháng 12 năm 1998 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc thành lập Ban Đổi mới quản lý doanh nghiệp tại Tổng công ty Lâm nghiệp Việt Nam.	3(x); 25(x)	
259	Quyết định số 210/1998/QĐ-BNN/TCCB, ngày 18 tháng 12 năm 1998 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc thành lập trung tâm sản xuất dịch vụ khoa học kỹ thuật lâm nông nghiệp trực thuộc Trường Trung học lâm nghiệp 2	3(x); 23(x)	
260	Quyết định số 02/1999/QĐ-BNN/PTLN, ngày 06/01/1999 của Bộ trưởng Bộ NN&PTNT ban hành Quy	2(x); 7(x); 9(x); 11(x); 17(x); 18(x); 19(x); 20(x)	Sách LN 2000 tr 430

TT	Số hiệu và tên văn bản	Nội dung điều chỉnh	Nguồn thông tin
	chế về khai thác gỗ, lâm sản.		
261	Quyết định số 04/1999/QĐ-BNN ngày 6/1/1999 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phê duyệt Phương án trang bị vũ khí quân dụng cho lực lượng Kiểm lâm	2(x); 28(x)	CB 1999/12/786
262	Quyết định số 9/1999/QĐ-BNN/TCCB, ngày 13 tháng 1 năm 1999 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc tiếp nhận và đổi tên Lâm trường Kỳ Anh là doanh nghiệp thành viên thuộc Tổng công ty Rau quả Việt Nam	3(x); 20(x); 25(x)	
263	Quyết định số 25/1999/QĐ-BNN/TCCB, ngày 1 tháng 2 năm 1999 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn thành lập Trung tâm nghiên cứu Thủy lợi - nông lâm nghiệp Gia Lai trực thuộc Viện Khoa học kỹ thuật nông lâm nghiệp Tây nguyên	3(x); 26(x)	
264	Quyết định số 34/1999/QĐ-BNN ngày 12/2/1999 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc ban hành Quy chế làm việc giữa Cục Kiểm lâm với các vườn quốc gia trực thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	2(x); 3(x); 10(x); 26(x); 28(x)	CB 1999/15/0976
265	Quyết định số 45/1999/QĐ-BNN/KL ngày 2/3/1999, của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc đình chỉ khai thác,	9(x); 20(x); 27(x); 28(x)	

TT	Số hiệu và tên văn bản	Nội dung điều chỉnh	Nguồn thông tin
	chung cất, thu mua và tiêu thụ tinh dầu xá xị		
266	Quyết định số 47/1999/QĐ-BNN/KL ngày 12/3/1999, của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Quy định kiểm tra việc vận chuyển, sản xuất, kinh doanh gỗ và lâm sản.	2(x); 17(x); 18(x); 19(x); 20(x); 24(x)	Sách LN 2000 tr 465
267	Quyết định số 69/1999/QĐ-BNN/TCKT, ngày 24 tháng 4 năm 1999 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc ban hành định mức chi tiêu của dự án Bảo vệ rừng và Phát triển nông thôn	2(x); 4(x); 9(x); 11(x); 22(x); 29(x)	
268	Quyết định số 73/1999/QĐ-BNN/TCCB, ngày 05/5/1999 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về chức năng, nhiệm vụ và tổ chức Bộ trưởng Bộ máy Vườn quốc gia Bạch Mã.	2(x); 3(x); 10(x)	Sách LN 2000 tr 291
269	Quyết định số 117/1999/QĐ-BNN/TCCB, ngày 14 tháng 8 năm 1999 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về chức năng nhiệm vụ và tổ chức bộ máy của Vườn quốc gia Cát Tiên	2(x); 3(x); 10(x)	
270	Quyết định số 126/1999/QĐ-BNN/TCCB, ngày 6 tháng 9 năm 1999 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc Phân cấp cho một số đơn vị quyền quyết định và chịu trách	2(x); 29(x)	

TT	Số hiệu và tên văn bản	Nội dung điều chỉnh	Nguồn thông tin
	<b>nhiệm trong việc quản lý xuất cảnh</b>		
271	<b>Quyết định số 143/1999/QĐ-BNN/TCCB, ngày 14 tháng 10 năm 1999 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn về tổ chức bộ máy của Cục Kiểm lâm</b>	2(x); 3(x); 28(x)	
272	<b>Quyết định số 144/1999/QĐ-BNN/TCCB, ngày 15 tháng 10 năm 1999 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc ban hành quy chế về tổ chức hoạt động của Ban quản lý các dự án Lâm nghiệp</b>	2(x); 3(x); 4(x)	
273	<b>Quyết định số 152/1999/QĐ-BNN/KL, ngày 5/11/1999 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Quy chế sử dụng quỹ chống chặt, phá rừng và sản xuất kinh doanh, vận chuyển lâm sản trái phép</b>	24(x); 28(x)	
274	<b>Quyết định số 161/1999/QĐ-BNN/TCCB, ngày 29 tháng 11 năm 1999 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về phân cấp phê duyệt kế hoạch đấu thầu và kết quả đấu thầu của dự án khu vực lâm nghiệp và quản lý rừng phòng hộ đầu nguồn</b>	2(x); 4(x); 11(x); 29(x)	

TT	Số hiệu và tên văn bản	Nội dung điều chỉnh	Nguồn thông tin
275	Quyết định số 162/1999/QĐ-BNN/PTLN, ngày 10/12/1999 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về ban hành Quy định tạm thời nghiệm thu khoán bảo vệ rừng khoanh nuôi xúc tiến tái sinh kết hợp trồng bổ sung, trồng rừng và chăm sóc rừng trồng.	2(x); 8(x); 9(x); 11(x); 14(x); 24(x)	Sách LN 2000 tr 359
276	Quyết định số 163/1999/QĐ-BNN/TCCB, ngày 10 tháng 12 năm 1999 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc ban hành Quy định về xây dựng - quản lý Chương trình đào tạo cho Dự án Khu vực lâm nghiệp VN - ADB	2(x); 4(x); 22(x); 23(x); 29(x)	
277	Quyết định số 167/1999/QĐ-BNN/VP, ngày 20 tháng 12 năm 1999 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc bãi bỏ 105 văn bản qui phạm pháp luật	2(x)	
278	Quyết định số 178/1999/QĐ-BNN/TCCB, ngày 27 tháng 12 năm 1999 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về tổ chức lại bộ máy của Vườn quốc gia Yokdon	2(x); 3(x); 10(x); 28(x)	
279	Quyết định số 179/1999/QĐ-BNN/TCCB, ngày 27 tháng 12 năm 1999 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn về phân cấp phê duyệt dự toán mua sắm hàng hoá và kế hoạch đấu thầu, kết quả đấu thầu công trình xây dựng, mua sắm hàng hoá của Dự án Bảo vệ rừng và phát triển nông thôn	2(x); 4(x); 11(x); 22(x); 29(x)	

TT	Số hiệu và tên văn bản	Nội dung điều chỉnh	Nguồn thông tin
280	Quyết định số 180/1999/QĐ-BNN/TCCB, ngày 28 tháng 2 năm 1999 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Về việc Ban hành Quy chế tổ chức thực hiện dự án "Xây dựng các khu bảo tồn nhằm bảo vệ nguồn tài nguyên thiên nhiên trên cơ sở ứng dụng quan điểm sinh thái cảnh quan" - VIE/95/G31, 031	2(x); 4(x); 29(x)	
281	Quyết định số 03/2000/QĐ-BNN/TCCB, ngày 17/01/2000 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Quy chế hoạt động của vườn quốc gia Bạch Mã	10(x); 26(x)	
282	Quyết định số 05/2000 /QĐ-BNN-KHCN , ngày 25 tháng 1 năm 2000 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành tiêu chuẩn ngành 04TCN-21-2000 (Quy phạm kỹ thuật trồng và khai thác luồng), 04TCN22-2000 (Quy phạm kỹ thuật trồng phi lao), 04TCN23-2000 (Quy phạm kỹ thuật trồng quế)	14(x); 17(x); 20(x); 26(x)	
283	Quyết định số 13/2000/QĐ-BNN/TCCB, ngày 21/02/2000 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc chuyển lâm trường đặc sản Sông Mã thuộc Tổng công ty lâm nghiệp Việt Nam sang UBND tỉnh Sơn La quản lý.	2(x); 3(x); 19(x); 20(x); 24(x); 25(x)	

TT	Số hiệu và tên văn bản	Nội dung điều chỉnh	Nguồn thông tin
284	Quyết định số 14/2000/QĐ-BNN/TCCB, ngày 22/02/2000 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc bổ sung ngành nghề kinh doanh cho Công ty sản xuất và xuất nhập khẩu lâm sản Đà Nẵng.	20(x); 24(x); 25(x)	
285	Quyết định số 16/2000/QĐ-BNN/TCCB, ngày 22/02/2000 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc đổi tên Công ty Khai thác chế biến lâm sản Gia Nghĩa thành Công ty Gia Nghĩa	17(x); 24(x); 25(x)	
286	Quyết định số 18/2000/QĐ-BNN/TCCB, ngày 03/3/2000 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Về việc ban hành Quy định bổ sung Quy định ban hành theo Quyết định số 13/1998/QĐ-BNN/CS ngày 16/01/1998 về tín dụng và tiết kiệm áp dụng cho nhóm tín dụng tiết kiệm loại 2, Chương trình phát triển nông thôn miền núi Việt Nam-Thụy Điển.	4(x); 22(x); 24(x); 29(x)	
287	Quyết định số 24/2000/QĐ-BNN/TCCB, ngày 09/3/2000 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc bổ sung ngành nghề kinh doanh cho Công ty rừng Tây nguyên thuộc Tổng công ty lâm nghiệp Việt Nam.	17(x); 24(x); 25(x)	

TT	Số hiệu và tên văn bản	Nội dung điều chỉnh	Nguồn thông tin
288	Quyết định số 27/2000/QĐ-BNN/TCKT, ngày 21/3/2000 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Về việc ban hành Quy chế quản lý tài chính Dự án Bảo tồn Vườn quốc gia Cát Tiên do Chính phủ Vương quốc Hà Lan viện trợ không hoàn lại.	4(x); 10(x); 13(x); 26(x); 29(x)	
289	Quyết định số 34/2000/QĐ-BNN/TCKT, ngày 04/4/2000 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, ban hành bổ sung định mức chi tiêu của Dự án Khu vực lâm nghiệp và quản lý rừng phòng hộ đầu nguồn.	4(x); 11(x); 24(x); 29(x)	
290	Quyết định số 37/2000/QĐ-BNN/TCCB, ngày 10/4/2000 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc bổ sung ngành nghề kinh doanh cho Công ty lâm nghiệp Gia Lai.	18(x); 20(x); 25(x)	
291	Quyết định số 38/2000/QĐ-BNN/TCCB, ngày 10/4/2000 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc bổ sung ngành nghề kinh doanh cho Công ty sản xuất và xuất nhập khẩu lâm sản Đà Nẵng.	17(x); 18(x); 20(x); 25(x)	
292	Quyết định số 40/2000/QĐ-BNN/TCCB, ngày 13/4/2000 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Về việc ban hành Quy chế tổ chức thực hiện Chương trình phát triển nông thôn miền núi Việt Nam - Thụy Điển.	3(x); 4(x); 21(x); 23(x); 29(x)	



TT	Số hiệu và tên văn bản	Nội dung điều chỉnh	Nguồn thông tin
293	Quyết định số 43/2000/QĐ-BNN/TCCB, ngày 19/4/2000 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc thành lập Văn phòng CITES Việt Nam .	2(x); 3(x); 13(x); 27(x); 29(x)	
294	Quyết định số 44/2000/QĐ-BNN/TCKT, ngày 19/4/2000 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc ban hành định mức chi phí công tác hiện trường của Dự án khu vực Lâm nghiệp và quản lý rừng phòng hộ đầu nguồn.	4(x); 11(x); 24(x); 29(x)	
295	Quyết định số 51/2000/QĐ-BNN/TCCB, ngày 09/5/2000 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc bổ sung ngành nghề kinh doanh cho Công ty công nghiệp rừng Tây Nguyên thuộc Tổng Cty lâm nghiệp Việt Nam	17(x); 25(x)	
296	Quyết định số 55/2000/QĐ-BNN/KHCN, ngày 21/5/2000 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc ban hành bổ sung định mức chi phí công tác hiện trường của Dự án khu vực lâm nghiệp và quản lý rừng phòng hộ đầu nguồn.	4(x); 11(x); 22(x); 24(x); 29(x)	
297	Quyết định số 77/2000/QĐ-BNN/TCCB, ngày 17/7/2000 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc thành lập Ban quản lý dự án vùng nguyên liệu và Nhà máy ván ép Gia Lai thuộc Tổng công ty lâm nghiệp Việt Nam.	3(x); 4(x); 18(x); 20(x); 25(x)	

TT	Số hiệu và tên văn bản	Nội dung điều chỉnh	Nguồn thông tin
298	Quyết định số 78/2000/QĐ-BNN/TCCB, ngày 19/7/2000 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc ban hành Quy chế tổ chức thực hiện và Quy chế quản lý tài chính Dự án trồng rừng tại các tỉnh Bắc Giang, Quảng Ninh và Lạng Sơn BMZ 98 66 781 do Chính phủ Cộng hoà Liên bang Đức viện trợ không hoàn lại.	3(x); 4(x); 12(x); 22(x); 24(x); 29(x)	
299	Quyết định số 79/2000/QĐ-BNN/TCCB, ngày 26/7/2000 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc sáp nhập Công ty vận tải và kinh doanh lâm sản Hà Nội vào Công ty xuất nhập khẩu lâm nông sản Sài Gòn thuộc Tổng công ty Lâm nghiệp Việt Nam.	3(x); 25(x)	
300	Quyết định số 94/2000/QĐ-BNN/KL, ngày 24/8/2000 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Quy chế quản lý, sử dụng vũ khí quân dụng và công cụ hỗ trợ trong lực lượng Kiểm lâm.	2(x); 9(x); 10(x); 11(x); 27(x); 28(x)	CB 2000/ 39/ 2609
301	Quyết định số 105/2000/QĐ-BNN/KL, ngày 17/10/2000 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về nhiệm vụ công chức kiểm lâm phụ trách địa bàn.	3(x); 7(x); 9(x); 10(x); 11(x); 22(x)	CB 2000/ 48/ 3221
302	Quyết định số 110/2000/QĐ-BNN/KL, ngày 26/10/2000 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc phân cấp phê duyệt dự toán và kế hoạch đấu thầu, kết quả xét thầu	2(x); 9(x); 11(x); 12(x); 24(x)	CB 2000/48/3222

TT	Số hiệu và tên văn bản	Nội dung điều chỉnh	Nguồn thông tin
	tư vấn của Dự án Bảo vệ rừng và phát triển nông thôn		
303	Quyết định số 127/2000/QĐ-BNN/KL, ngày 11/12/2000 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc ban hành Quy định về cấp dự báo, báo động và biện pháp tổ chức thực hiện phòng cháy, chữa cháy rừng.	2(x); 3(x); 9(x); 10(x); 11(x); 16(x); 24(x); 26(x)	CB 2001/ 08/ 0526
304	Quyết định số 128/2000/QĐ-BNN/TCCB, ngày 11/12/2000 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc chuyển Công ty lâm sản Hải Phòng thành Công ty cổ phần lâm sản Hải Phòng.	3(x); 24(x); 25(x)	
305	Quyết định số 140/2000/QĐ-BNN/KL, ngày 21/12/2000 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc công bố bản danh mục một số loài động vật hoang dã là thiên địch của chuột.	2(x); 13(x); 26(x); 27(x)	
306	Quyết định số 09/2001/QĐ-BNN, ngày 13/02/ 2001 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc phê duyệt và ban hành quy chế tổ chức hoạt động của Vườn quốc gia Cát Tiên và quản lý bảo vệ vùng đệm.	3(x); 10(x); 26(x)	

TT	Số hiệu và tên văn bản	Nội dung điều chỉnh	Nguồn thông tin
307	Quyết định số 19/2001/QĐ-BNN ngày 7 tháng 3 năm 2001 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Quy trình kỹ thuật tạm thời: Quy trình tạm thời kỹ thuật nhân giống Điều bằng phương pháp ghép chồi, vạt ngọn và nêm ngọn; Quy trình tạm thời kỹ thuật trồng Điều; Quy trình tạm thời kỹ thuật cải tạo thâm canh vườn Điều năng suất thấp	12(x); 14(x); 20(x); 26(x)	
308	Quyết định số 21/2001/QĐ-BNN ngày 14 tháng 3 năm 2001 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn về việc Ban hành chế độ báo cáo Thống kê ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	2(x)	
309	Quyết định số 22/2001/QĐ-BNN, ngày 14/3/ 2001 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành chế độ báo cáo thống kê đối với các Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn , Chi cục Kiểm lâm.	2(x); 7(x); 21(x); 24(x)	
310	Quyết định số 32/2001/QĐ-BNN, ngày 27/3/ 2001 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc bổ sung quy chế điều hành thực hiện Dự án Bảo vệ tài nguyên thiên nhiên và tái tạo rừng đầu nguồn Sông Đà.	4(x); 24(x); 29(x)	

TT	Số hiệu và tên văn bản	Nội dung điều chỉnh	Nguồn thông tin
311	Quyết định số 67/2001/QĐ-BNN, ngày 14/6/2001 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc sáp nhập Trung tâm thực nghiệm lâm nghiệp Kon Hà Nừng vào Trung tâm lâm nghiệp nhiệt đới thuộc Viện Khoa học Lâm nghiệp Việt Nam.	3(x); 26(x)	
312	Quyết định số 69/2001/QĐ-BNN/KL, ngày 26/6/2001 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc ban hành Quy chế quản lý, sử dụng búa bài cây và búa Kiểm lâm	9(x); 10(x); 11(x); 17(x); 27(x); 28(x)	
313	Quyết định số 75/2001/QĐ-BNN, ngày 23/7/2001 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phê duyệt Dự án " Bảo tồn vượn đen tại vùng Tây Bắc Việt Nam" do quỹ Margot Marsh, Mỹ và tổ chức bảo tồn động vật hoang dã Quốc tế (FFI)-Chương trình Đông Dương	3(x); 13(x); 26(x); 29(x)	CB 2001/38/2556
314	Quyết định số 76/2001/QĐ-BNN, ngày 23/7/2001 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phê duyệt Dự án " Bảo tồn, khôi phục và sử dụng rừng ở các vùng núi Việt Nam " do quỹ sáng kiến Đác Uyn của vương quốc Anh viện trợ không hoàn lại.	3(x); 14(x); 29(x)	CB 2001/38/2557
315	Quyết định số 99/2001/QĐ-BNN, ngày 05/10/2001 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành bổ sung định mức chi hiện trường cấp xã của Dự	12(x); 22(x); 24(x); 26(x); 29(x)	

TT	Số hiệu và tên văn bản	Nội dung điều chỉnh	Nguồn thông tin
	án Bảo vệ rừng và Phát triển nông thôn.		
316	Quyết định số 110/2001/QĐ-BNN, ngày 23/11/2001 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành định mức chi phụ cấp hiện trường cho cán Bộ trưởng Bộ cấp tỉnh thuộc Dự án bảo vệ và phát triển những vùng đất ngập nước ven biển miền Nam Việt Nam.	4(x); 11(x); 22(x); 24(x); 29(x)	CB 2002/04/0270
317	Quyết định số 01/2002/QĐ-BNN, ngày 02/01/2002 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế quản lý, sử dụng búa bài cây và búa kiểm lâm ban hành theo Quyết định số 69/2001/QĐ-BNN ngày 26/6/2001 của Bộ trưởng Bộ trưởng Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.	2(x); 17(x); 27(x)	CB 2002/15/0937
318	Quyết định số 02/2002/QĐ-BNN, ngày 07/01/2002 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc ban hành Quy chế tổ chức và thực hiện Dự án xây dựng năng lực tổ chức ngành giống lâm nghiệp,	3(x); 4(x); 14(x); 24(x); 29(x)	CB 2002/15/0938

TT	Số hiệu và tên văn bản	Nội dung điều chỉnh	Nguồn thông tin
319	Quyết định số 07/2002/QĐ-BNN, ngày 10/01/2002 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc phê duyệt Dự án Hỗ trợ lâm nghiệp cộng đồng Đông Nam á (CFSP-SEA) do mạng lưới rừng Châu Âu (EC) và Cơ quan phát triển quốc tế Mỹ (USAID) tài trợ,	29(x)	CB 2002/15/0945
320	Quyết định số 09/2002/QĐ-BNN, ngày 17/01/2002 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc ban hành Quy chế tổ chức và thực hiện Dự án Trồng rừng trên đất cát ven biển Nam Trung Bộ, Việt Nam.	3(x); 4(x); 6(x); 14(x); 24(x); 29(x)	CB 2002/15/0946
321	Quyết định số 199/QĐ-BNN/PTLN, ngày 22/01/2002 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phê duyệt Chiến lược phát triển lâm nghiệp giai đoạn 2001-2010	1(x); 2(x); 4(x); 7(x); 8(x); 9(x); 10(x); 11(x); 12(x); 14(x); 17(x); 18(x); 19(x); 20(x); 24(x); 26(x)	
322	Quyết định số 14/2002/QĐ-BNN, ngày 27/01/2002 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc ban hành Danh mục các loại động vật, thực vật hoang dã quy định trong Phụ lục của Công ước CITES,	2(x); 9(x); 10(x); 11(x); 13(x); 27(x); 29(x)	
323	Quyết định số 516/QĐ-BNN-KHCN ngày 18/2/2002 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn V/v ban hành Quy trình thiết kế trồng rừng	14(x)	Sách LN 2003, tập II, tr.330

TT	Số hiệu và tên văn bản	Nội dung điều chỉnh	Nguồn thông tin
324	Quyết định số 15/2002/QĐ-BNN, ngày 04/3/2002 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc phê duyệt dự án " Bảo tồn loài vượn đen tuyền (Nomascus concolor ) ở Huyện Mù Cang Chải tại tỉnh Yên Bái.	4(x); 13(x); 26(x); 29(x)	
325	Quyết định số 20/2002/QĐ-BNN, ngày 21/3/2002 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc chuyển giao Trung tâm kỹ thuật bảo vệ rừng số I và Trung tâm kỹ thuật bảo vệ rừng số II về Cục Kiểm lâm quản lý.	2(x); 3(x)	
326	Quyết định số 32/2002/QĐ-BNN, ngày 03/5/2002 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc ban hành sửa đổi, bổ sung định mức chi tiêu của Dự án Bảo vệ rừng và Phát triển nông thôn	4(x); 12(x); 22(x); 24(x)	
327	Quyết định số 34/2002/QĐ-BNN, ngày 03/5/2002 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc phê duyệt Dự án hỗ trợ kỹ thuật chuẩn bị Hợp phần Quỹ bảo tồn của Dự án Phát triển ngành Lâm nghiệp - Mã số GEF-PPG TF 050719 do Quỹ Môi trường toàn cầu tài trợ.	4(x); 26(x); 29(x)	CB 2002/35/2317
328	Quyết định số 73/2002/QĐ-BNN, ngày 15/8/2002 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc ban hành sửa đổi, bổ sung định mức chi tiêu của Dự án Khu vực lâm nghiệp	4(x); 12(x); 22(x); 24(x); 29(x)	CB 2002/47/3130



TT	Số hiệu và tên văn bản	Nội dung điều chỉnh	Nguồn thông tin
	và quản lý rừng phòng hộ đầu nguồn.		
329	Quyết định số 76/2002/QĐ-BNN, ngày 22/8/2002 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc quy định chức năng, nhiệm vụ và tổ chức Bộ trưởng Bộ máy của Trung tâm kỹ thuật bảo vệ rừng số I và số II trực thuộc Cục Kiểm lâm	2(x); 3(x); 15(x); 16(x)	CB 2002/47/3140
330	Quyết định số 78/2002/QĐ-BNN, ngày 28/8/2002 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc ban hành Quy phạm kỹ thuật theo dõi diễn biến rừng và đất lâm nghiệp trong lực lượng Kiểm lâm	2(x); 6(x); 7(x)	CB 2002/47/3148
331	Quyết định số 79/2002/QĐ-BNN, ngày 28/8/2002 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc ban hành sửa đổi, bổ sung định mức chi tiêu của Dự án Bảo vệ và phát triển những vùng đất ngập nước ven biển miền Nam Việt Nam	4(x); 12(x); 22(x); 24(x); 29(x)	CB 2002/47/3186
332	Quyết định số 4361/2002/QĐ/BNN-PTLN ngày 17/10/2002 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc ban hành Quy định trình tự nội dung lập hồ sơ thiết kế dự toán các công trình lâm sinh thuộc dự án 661 và các dự án sử dụng vốn ngân sách (hoặc vốn tài trợ)	14(x); 24(x)	Sách LN 2003, tập II, tr.349

TT	Số hiệu và tên văn bản	Nội dung điều chỉnh	Nguồn thông tin
333	Quyết định số 93/2002/QĐ-BNN, ngày 28/10/2002 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc ban hành Quy chế hoạt động của Ban điều hành Chương trình điều tra đánh giá và theo dõi diễn biến tài nguyên rừng toàn quốc thời kỳ 2001-2005.	3(x); 4(x); 6(x); 7(x); 24(x)	CB 2002/65/4334
334	Quyết định số 97/2002/QĐ-BNN, ngày 18/11/2002 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc giao quyền tự chủ tài chính giai đoạn 2002-2004 cho đơn vị sự nghiệp có thu (Trường Công nhân KT Lâm nghiệp I TW ).	23(x); 24(x); 25(x)	
335	Quyết định số 98/2002/QĐ-BNN, ngày 18/11/2002 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc giao quyền tự chủ tài chính giai đoạn 2002-2004 cho đơn vị sự nghiệp có thu (Trường Công nhân KT Lâm nghiệp IV TW ).	23(x); 24(x); 25(x)	
336	Quyết định số 99/2002/QĐ-BNN, ngày 18/11/2002 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc giao quyền tự chủ tài chính giai đoạn 2002-2004 cho đơn vị sự nghiệp có thu (Trường công nhân chế biến gỗ)	23(x); 24(x); 25(x)	
337	Quyết định số 102/2002/QĐ-BNN, ngày 18/11/2002 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc giao quyền tự chủ tài chính giai đoạn 2002-2004 cho đơn vị sự nghiệp có thu	23(x); 24(x); 25(x)	

TT	Số hiệu và tên văn bản	Nội dung điều chỉnh	Nguồn thông tin
	(Trường Đại học Lâm nghiệp).		
338	Quyết định số 107/2002/QĐ-BNN, ngày 20/11/2002 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc giao quyền tự chủ tài chính giai đoạn 2002-2004 cho đơn vị sự nghiệp có thu (Vườn quốc gia Cúc Phương)	10(x); 24(x); 25(x)	
339	Quyết định số 108/2002/QĐ-BNN, ngày 20/11/2002 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc giao quyền tự chủ tài chính giai đoạn 2002-2004 cho đơn vị sự nghiệp có thu (Vườn quốc gia Cát Bà)	10(x); 24(x); 25(x)	
340	Quyết định số 109/2002/QĐ-BNN, ngày 20/11/2002 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc giao quyền tự chủ tài chính giai đoạn 2002-2004 cho đơn vị sự nghiệp có thu (Vườn quốc gia Bạch Mã),	10(x); 24(x); 25(x)	
341	Quyết định số 110/2002/QĐ-BNN, ngày 20/11/2002 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc giao quyền tự chủ tài chính giai đoạn 2002-2004 cho đơn vị sự nghiệp có thu (Vườn quốc gia Ba Vì)	10(x); 24(x); 25(x)	
342	Quyết định số 111/2002/QĐ-BNN, ngày 20/11/2002 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc giao quyền tự chủ tài chính giai đoạn 2002-2004	10(x); 24(x); 25(x)	

TT	Số hiệu và tên văn bản	Nội dung điều chỉnh	Nguồn thông tin
	cho đơn vị sự nghiệp có thu (Vườn quốc gia Bến En),		
343	Quyết định số 120/2002/QĐ-BNN, ngày 21/11/2002 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc ban hành giấy chứng nhận kiểm lâm.	2(x); 3(x)	CB 2002/65/4341
344	Quyết định số 128/2002/QĐ-BNN, ngày 21/11/2002 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc giao quyền tự chủ tài chính giai đoạn 2002-2004 cho đơn vị sự nghiệp có thu (Viện Điều tra quy hoạch rừng)	7(x); 23(x); 24(x)	
345	Quyết định số 782/QĐ-BNN/PTLN ngày 20/3/2003 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn V/v sửa đổi Điều khoản thi hành tại Quyết định 516/QĐ-BNN-KHCN ngày 18/2/2002 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn-ban hành Quy trình thiết kế trồng rừng	14(x)	Sách LN 2003, tập II, trang 371
346	Quyết định số 55/2003/QĐ-BNN ngày 9/4/2003 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Ban hành tạm thời Chỉ tiêu suất vốn đầu tư xây dựng cơ bản công trình ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn	1(x); 10(X); 11(x); 24(X)	Sách LN 2003, tập II, trang 373
347	Quyết định số 2490/QĐ/BNN-KL ngày 9/4/2003 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc công bố diện tích rừng và đất lâm nghiệp năm 2002	2(x); 7(x)	Sách LN 2003, tập II, trang 381

TT	Số hiệu và tên văn bản	Nội dung điều chỉnh	Nguồn thông tin
348	Quyết định số 90/2003/QĐ-BNN ngày 4/9/2003 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của Cục Chế biến nông lâm sản và nghề muối	2(x); 3(x)	Bản chụp
349	Quyết định số 91/2003/QĐ-BNN ngày 4/9/2003 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của Cục Lâm nghiệp	2(x); 3(x)	Sách LN 2003, tập II, trang 392
350	Quyết định số 92/2003/QĐ-BNN ngày 4/9/2003 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của Cục Kiểm lâm	2(x); 3(x)	Sách LN 2003, tập II, trang 399
351	Quyết định số 96/2003/QĐ-BNN ngày 4/9/2003 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của Cục Hợp tác xã và Phát triển nông thôn	2(x); 3(x)	Bản chụp
352	Quyết định số 5246/QĐ/BNN-LN ngày 26/11/2003 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc ban hành định mức chi phí trồng rừng, chăm sóc rừng phòng hộ, đặc dụng theo suất đầu tư trồng rừng 4 triệu đ/ha thuộc Chương trình Dự án 661	1(x); 14(x); 24(x);	Sách LN 2003, tập II, trang 405

TT	Số hiệu và tên văn bản	Nội dung điều chỉnh	Nguồn thông tin
353	Quyết định số 04/2004/QĐ-BNN-LN ngày 2/2/2004 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Quy chế khai thác gỗ và lâm sản khác	2(x); 17(x); 19(x)	Bản chụp
<b>Quyết định của các bộ, ngành khác</b>			
354	Quyết định số 698/QĐ-QHQT ngày 16/6/1997 của Bộ trưởng Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban điều hành quốc gia Quỹ Môi trường toàn cầu Việt Nam.	2(x); 26(x)	CB 1997/ 17/ 1136
355	Quyết định số 2117/1997/QĐ-BKHCMNT ngày 30/12/1997 của Bộ trưởng Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường về việc ban hành Quy chế quản lý và bảo tồn nguồn gen thực vật, động vật và vi sinh vật	2(x); 14(x); 24(x); 26(x)	CB 1998/ 05/ 0242
356	Quyết định số 1776/1998/QĐ-BTC ngày 7/12/1998 của Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Quy chế quản lý và xử lý tài sản khi có quyết định tịch thu sung quỹ Nhà nước và tài sản được xác lập quyền sở hữu nhà nước	2(x); 24(x); 27(x); 28(x)	VBQPPL về QL BVR (2003) trang 576
357	Quyết định số 08/2001/QĐ-BKHCMNT ngày 04/5/2001 của Bộ trưởng Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường ban hành Quy chế xét duyệt và quản lý các dự án GEF (Quỹ Môi trường toàn cầu) của Việt Nam	2(x); 4(x); 14(x); 24(x); 26(x)	CB 2001/ 22/ 1477

TT	Số hiệu và tên văn bản	Nội dung điều chỉnh	Nguồn thông tin
358	Quyết định số 1494/2001/QĐ-TCHQ ngày 26/12/2001 của Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan ban hành Quy định tạm thời thủ tục hải quan đối với hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu.	28(x)	VBQPPL về QLTVR (2003) trang 616
359	Quyết định số 45/2002/QĐ-BTC ngày 10/4/2002 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc thay thế Biểu thuế xuất khẩu	1(x); 4(x); 20(x); 24(x)	CB 2002/28/1827
360	Quyết định số 53/2002//QĐ-BKHCMNT ngày 16/7/2002 của Bộ trưởng Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường ban hành Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ Bảo vệ môi trường Việt Nam.	2(x); 24(x); 26(x)	CB 2002/ 44/ 2930
<b>CHỈ THỊ CỦA BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN</b>			
361	Chỉ thị số 02/NN-PTLN/CT ngày 9/1/1996 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc thực hiện Tết trồng cây năm 1996, đẩy mạnh phong trào trồng cây, gây rừng, phát triển và bảo vệ rừng	9(x); 14(x); 22(x)	
362	Chỉ thị số 06/NN-PTLN/CT ngày 16/2/1996 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc Phát triển trồng rừng năm 1996 và chuẩn bị trồng rừng các năm sau	4(x); 9(x); 14(x)	

TT	Số hiệu và tên văn bản	Nội dung điều chỉnh	Nguồn thông tin
363	Chỉ thị số 01/NN-PTLN/CT ngày 10 tháng 01 năm 1997 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc tiếp tục thực hiện có hiệu quả Nghị định số 22-CP của Chính phủ và chỉ thị số 177-TTG của Thủ tướng Chính phủ về những biện pháp cấp bách về phòng cháy chữa cháy rừng trong mùa khô 1996 - 1997	1(x); 9(x); 10(x); 11(x); 16(x); 28(x)	
364	Chỉ thị số 12, ngày 11 tháng 06 năm 1997 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc Quản lý, sử dụng vũ khí dân dụng và công cụ hỗ trợ trong lực lượng kiểm lâm.	28(x)	
365	Chỉ thị số 02/1998/CT-BNN-PTLN ngày 7 tháng 1 năm 1998 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn về việc thực hiện Tết trồng cây năm 1998	14(x); 22(x)	
366	Chỉ thị số 07/1998/CT-BNN-KL, ngày 9 tháng 03 năm 1998 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn về việc tăng cường công tác phòng cháy chữa cháy rừng	14(x); 16(x)	
367	Chỉ thị số 12/1998/CT-BNN, ngày 11/11/1998 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn về việc Kỷ niệm ngày Lâm nghiệp Việt Nam	22(x); 23(x)	
368	Chỉ thị số 58/1999/CT-BNN/KL ngày 30/3/1999 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về chủ động phòng, trừ sâu, bệnh hại rừng trồng	9(x); 14(x); 15(x); 24(x); 28(x)	VBQPPL về QL BVR (2003) trang 569



TT	Số hiệu và tên văn bản	Nội dung điều chỉnh	Nguồn thông tin
369	Chỉ thị số 32/2000/CT-BNN/KL ngày 27/3/2000 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc tổ chức theo dõi diễn biến rừng và đất lâm nghiệp trong toàn quốc.	2(x); 4(x); 7(x); 24(x)	VBQPPL về QLBR (2003) trang 560
370	Chỉ thị số 36/2000/CT-BNN/KL ngày 06/4/2000, của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc quy vùng sản xuất nương rẫy.	2(x); 8(x); 9(x); 10(x); 11(x); 12(x); 16(x)	VBQPPL về QLBR (2003) trang 565
371	Chỉ thị số 52/2001/CT-BNN ngày 07/5/2001, của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc đẩy mạnh công tác xây dựng và thực hiện quy ước bảo vệ và phát triển rừng trong cộng đồng dân cư thôn, làng, buôn, bản, ấp.	2(x); 8(x); 9(x); 10(x); 11(x)	VBQPPL về QLBR (2003) trang 573
<b>Thông tư của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn</b>			
372	Thông tư số 04 NN/KL-TT ngày 05/02/1996 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn thi hành Nghị định số 02/CP ngày 05/01/1995 của Chính phủ quy định về hàng hoá, dịch vụ cấm kinh doanh thương mại và hàng hoá dịch vụ kinh doanh thương mại có điều kiện ở thị trường trong nước.	2(x); 13(x); 20(x); 26(x)	Sách LN 2000 tr 226
373	Thông tư số 01 NN/KL-TT ngày 18/02/1997 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn thực hiện Nghị định số 77/CP về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý rừng, bảo vệ rừng và	2(x); 27(x)	CB 1997/07/0453

TT	Số hiệu và tên văn bản	Nội dung điều chỉnh	Nguồn thông tin
	quản lý lâm sản.		
374	Thông tư số 02 NN/KNKL-TT ngày 01/3/1997 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn thi hành Nghị định số 07/CP ngày 05/02/1996 của Chính phủ về quản lý giống cây trồng.	2(x); 14(x); 20(x); 26(x)	CB 1997/07/0458
375	Thông tư số 09 NN/KL-TT ngày 10/10/1997 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số điểm Quy định tại Thông tư số 01/NN/KL-TT ngày 18/02/1997 hướng dẫn thực hiện Nghị định số 77/CP của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý rừng, bảo vệ rừng và quản lý lâm sản.	2(x)	CB 1997/23/1575
376	Thông tư số 04/1998/TT-BNN-CBNLS ngày 27/4/1998 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về các doanh nghiệp có giấy phép đầu tư không phải xin phép phép hành nghề chế biến gỗ và lâm sản khác.	2(x)	Sách LN 2000 tr 411
377	Thông tư số 56/1999/TT-BNN-KL ngày 30/3/1999 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn xây dựng quy ước bảo vệ và phát triển rừng trong cộng đồng dân cư	2(x); 8(x); 9(x); 10(x); 11(x); 12(x); 17(x); 18(x); 19(x); 27(x)	CB 1999/24/1559

<b>TT</b>	<b>Số hiệu và tên văn bản</b>	<b>Nội dung điều chỉnh</b>	<b>Nguồn thông tin</b>
	thôn, làng, buôn, bản,ấp.		
<b>378</b>	<b>Thông tư số 122/1999/TT-BNN-PTLN ngày 27/8/1999 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc hướng dẫn xuất khẩu chi tiết sản phẩm gỗ mỹ nghệ và sản phẩm mộc tinh chế hoàn chỉnh bằng gỗ rừng tự nhiên.</b>	<b>2(x); 18(x); 20(x)</b>	<b>Sách LN 2000 tr 427</b>
<b>379</b>	<b>Thông tư số 153/1999/TT-BNN/KL ngày 5/11/1999 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn thực hiện đóng búa Kiểm lâm Việt Nam vào gỗ nhập khẩu tiểu ngạch từ CămPuChia</b>	<b>2(x); 28(x); 29(x)</b>	<b>VBQPPL về QLBR (2003) trang 519</b>
<b>380</b>	<b>Thông tư số 102/2000/TT-BNN-KL ngày 02/10/ 2000 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn lập dự toán cho các dự án theo dõi diễn biến tài nguyên rừng và đất lâm nghiệp.</b>	<b>4(x); 7(x); 24(x)</b>	<b>CB 2000/ 47/ 3143</b>

TT	Số hiệu và tên văn bản	Nội dung điều chỉnh	Nguồn thông tin
381	Thông tư số 47/2001/TT-BNN ngày 19/4/2001, của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn thực hiện Quyết định số 141/2000/QĐ-TTg ngày 11/12/2000 và Quyết định số 28/2001/QĐ-TTg, ngày 09/3/2001 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách đầu tư và hưởng lợi đối với hộ gia đình, cá nhân và các các xã tham gia Dự án khu vực lâm nghiệp và quản lý rừng phòng hộ đầu nguồn tại các tỉnh: Thanh Hoá, Quảng Trị, Phú Yên, Gia Lai theo Hiệp định tín dụng số 1515-VIE(SF)	4(x); 8(x); 9(x); 11(x); 12(x); 14(x); 24(x); 29(x)	
382	Thông tư số 62/2001/TT-BNN ngày 5/6/2001 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn việc xuất khẩu, nhập khẩu hàng hoá thuộc diện quản lý chuyên ngành nông nghiệp theo Quyết định số 46/2001/QĐ-TTg ngày 4/4/2001 của Thủ tướng Chính phủ về quản lý xuất khẩu, nhập khẩu hàng hoá thời kỳ 2001-2005.	13(x); 20(x); 28(x)	CB 2001/38/2550

TT	Số hiệu và tên văn bản	Nội dung điều chỉnh	Nguồn thông tin
383	Thông tư số 72/2001/TT-BNN ngày 9/7/2001 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc sửa đổi, bổ sung một số điểm trong Thông tư số 62/2001/TT-BNN ngày 5/6/2001 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn việc xuất khẩu, nhập khẩu hàng hoá thuộc diện quản lý chuyên ngành nông nghiệp theo Quyết định số 46/2001/QĐ-TTg ngày 4/4/2001 của Thủ tướng Chính phủ về quản lý xuất khẩu, nhập khẩu hàng hoá thời kỳ 2001-2005.	13(x); 20(x); 28(x)	CB 2001/38/2555
384	Thông tư số 94/2001/TT-BNN ngày 21/9/2001 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn thực hiện Quyết định số 245/1998/QĐ-TTg ngày 21/12/1998 của Thủ tướng Chính phủ đối với các cơ quan thuộc ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn ở cấp tỉnh, huyện.		VBQPPL về QL BVR (2003) trang 549
385	Thông tư số 102/2001/TT-BNN ngày 26/10/2001 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn thực hiện Quyết định số 178/1999/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về Quy chế ghi nhãn hàng hoá lưu thông trong nước và hàng hoá xuất khẩu đối với hàng hóa làm sản, hàng hóa chế biến từ lâm sản, hạt ngũ cốc và hạt nông sản các loại có bao gói.	18(x); 19(x); 20(x)	CB 2001/47/3153
<b>THÔNG TƯ CỦA BỘ TÀI CHÍNH</b>			

TT	Số hiệu và tên văn bản	Nội dung điều chỉnh	Nguồn thông tin
386	Thông tư số 07 -TC/TCT ngày 07/02/1991 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn chi tiết thi hành Pháp lệnh của Hội đồng Nhà nước và Nghị định số 06-HĐBT, ngày 07/01/1991 của Hội đồng Bộ trưởng về thuế tài nguyên.	2(x)	
387	Thông tư số 89-TC/TCT ngày 09/11/1993 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành Nghị định số 74-CP ngày 25/10/1993 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật thuế sử dụng đất nông nghiệp.	2(x); 4(x); 6(x); 7(x)	
388	Thông tư số 60A-TC/TCT ngày 01/9/1997 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn sửa đổi Thông tư số 30-TC/TCT ngày 23/5/1991, hướng dẫn chế độ quản lý thu thuế đối với ngành khai thác thủy sản và Thông tư số 69-TC/TCT ngày 27/11/1991 hướng dẫn việc chuyển chế độ thu tiền nuôi rừng sang thu thuế tài nguyên đối với khai thác sản phẩm rừng tự nhiên	2(x); 9(x); 11(x); 17(x); 19(x); 20(x); 24(x)	CB 1997/20/1381
389	Thông tư số 134/1998/TT-BTC ngày 15/10/1998 của Bộ Tài chính hướng dẫn cơ chế quản lý tài chính đối với dự án Bảo vệ rừng và phát triển nông thôn	10(x); 11(x); 12(x); 22(x); 24(x); 29(x)	CB 1999/03/0172

TT	Số hiệu và tên văn bản	Nội dung điều chỉnh	Nguồn thông tin
390	Thông tư số 145/1998/TT/BTC ngày 04/11/1998 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành Nghị định số 22/1998/NĐ-CP ngày 24/4/1998 của Chính phủ về việc đền bù thiệt hại khi Nhà nước thu hồi đất để sử dụng vào mục đích quốc phòng, an ninh, lợi ích quốc gia, lợi ích công cộng.	2(x); 4(x); 6(x); 7(x)	
391	Thông tư số 187/1998/TT-BTC ngày 29/12/1998 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn bổ sung thuế giá trị gia tăng đối với hoạt động xây dựng cơ bản, sản xuất, chế biến sản phẩm nông, lâm nghiệp.	2(x); 18(x); 20(x); 24(x)	CB 1999/ 08/ 0514
392	Thông tư số 28/1999/TT-BTC ngày 13/3/1999 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn việc quản lý, cấp phát vốn Ngân sách Nhà nước cho Dự án trồng mới 5 triệu ha rừng theo Quyết định số 661/QĐ-TTg, ngày 29/7/1998 của Thủ tướng Chính phủ.	2(x); 9(x); 10(x); 11(x); 14(x); 24(x)	CB 1999/19/1284
393	Thông tư số 91/2000/TT-BTC ngày 6/9/2000 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị quyết số 09/2000/NQ-CP ngày 15/6/2000 của Chính phủ về miễn thuế giá trị gia tăng và thuế thu nhập doanh nghiệp trên khâu lưu thông để khuyến khích tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp.	1(x); 4(x); 20(x); 24(x)	CB 2000/38/2565

TT	Số hiệu và tên văn bản	Nội dung điều chỉnh	Nguồn thông tin
394	Thông tư số 104/2000/TT-BTC ngày 23/10/2000 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành Nghị định 19/2000/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Thuế chuyển quyền sử dụng đất	1(x); 4(x); 8(x); 14(x); 24(x)	CB 2000/45/3006
395	Thông tư số 115/2000/TT-BTC ngày 11/12/2000 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành Nghị định 38/2000/NĐ-CP của Chính phủ về thu tiền sử dụng đất	1(x); 4(x); 8(x); 14(x); 24(x)	CB 2001/03/0186
396	Thông tư số 22/2001/TT-BTC ngày 3/4/2001 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung Thông tư số 146/1999/TT-BTC hướng dẫn thực hiện việc miễn thuế, giảm thuế cho các đối tượng được hưởng ưu đãi đầu tư theo Nghị định số 51/1999/NĐ-CP	1(x); 4(x); 8(x); 14(x); 24(x)	CB 2001/19/1266
397	Thông tư số 35/2001/TT-BTC ngày 25/5/2001 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc nộp tiền thuê đất, góp vốn liên doanh bằng giá trị quyền sử dụng đất của các tổ chức, cá nhân trong nước	1(x); 4(x); 8(x); 14(x); 24(x)	CB 2001/26/1714
398	Thông tư số 43/2002/TT-BTC ngày 7/5/2002 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc quản lý, cấp phát vốn ngân sách nhà nước cho Dự án trồng mới 5 triệu ha rừng.	10(x); 11(x); 12(x); 24(x)	CB 2002/28/1864
399	Thông tư số 24/2003/TT-BTC ngày 27/3/2003 của Bộ Tài chính sửa đổi một số điểm của Thông tư số 43/2002/TT-BTC ngày 7/5/2002 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc quản lý, cấp phát vốn ngân sách nhà nước cho Dự án trồng mới 5	10(x); 11(x)	Sách LN 2003, tập II, tr 551



TT	Số hiệu và tên văn bản	Nội dung điều chỉnh	Nguồn thông tin
	triệu ha rừng.		
400	Thông tư số 98/2003/TT-BTC ngày 14/10/2003 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc quản lý, sử dụng chi phí quản lý dự án đầu tư từ nguồn Ngân sách nhà nước.	4(x); 24(x)	Sách LN 2003, tập II, tr 514
Thông tư của Bộ trưởng Bộ Thương mại			
401	Thông tư số 02/1999/TT-BTM ngày 12/01/1999 của Bộ trưởng Bộ Thương mại hướng dẫn việc tái xuất gỗ tròn có nguồn gốc nhập khẩu hợp pháp từ Campuchia.	2(x); 17(x); 18(x); 20(x); 24(x); 29(x)	CB 1999/ 08/ 0538
402	Thông tư số 27/1999/TT-BTM ngày 30/8/1999 của Bộ trưởng Bộ Thương mại sửa đổi, bổ sung Thông tư số 03/1998/TT-BTM ngày 24/2/1998 hướng dẫn việc cấp giấy phép nhập khẩu gỗ nguyên liệu có nguồn gốc Campuchia.	2(x); 17(x); 18(x); 20(x); 24(x); 29(x)	CB 1999/ 39/ 2553
Thông tư của các bộ, ngành khác			
403	Thông tư số 5/BNV(C13) ngày 28/9/1996 của Bộ Nội vụ hướng dẫn thực hiện một số vấn đề trong Nghị định số 47/CP ngày 12/8/1986 của Chính phủ về quản lý vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ	2(x); 13(x); 28(x)	VBQPPL về QL BVR (2003) trang 629

TT	Số hiệu và tên văn bản	Nội dung điều chỉnh	Nguồn thông tin
404	Thông tư số 01-BKH/DN ngày 29/01/1997 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn thực hiện Nghị định số 56/CP ngày 2/10/96 của Chính phủ Về doanh nghiệp Nhà nước hoạt động công ích.	2(x); 14(x)	CB 1997/07/0450
405	Thông tư số 278/TT-ĐC ngày 07/03/1997 của Tổng cục trưởng Tổng cục Địa chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 04-CP ngày 10/01/1997 của Chính phủ về việc xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý, sử dụng đất đai.	2(x); 6(x); 8(x); 27(x)	CB 1997/08/0545
406	Thông tư số 12/1998/TT-BLĐTBXH ngày 16/11/1998 của Bộ trưởng Bộ Lao động Thương binh và Xã hội hướng dẫn chế độ đối với những người được cấp xã hợp đồng làm công tác bảo vệ rừng trong các tháng mùa khô.	2(x); 16(x); 22(x); 24(x)	Sách LN 2000 tr 523